

tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong

Tiếng Nói
của
Viện Đại Học
Vạn Hạnh
Bộ Mới
Năm Thứ Ba
Số Đặc Biệt

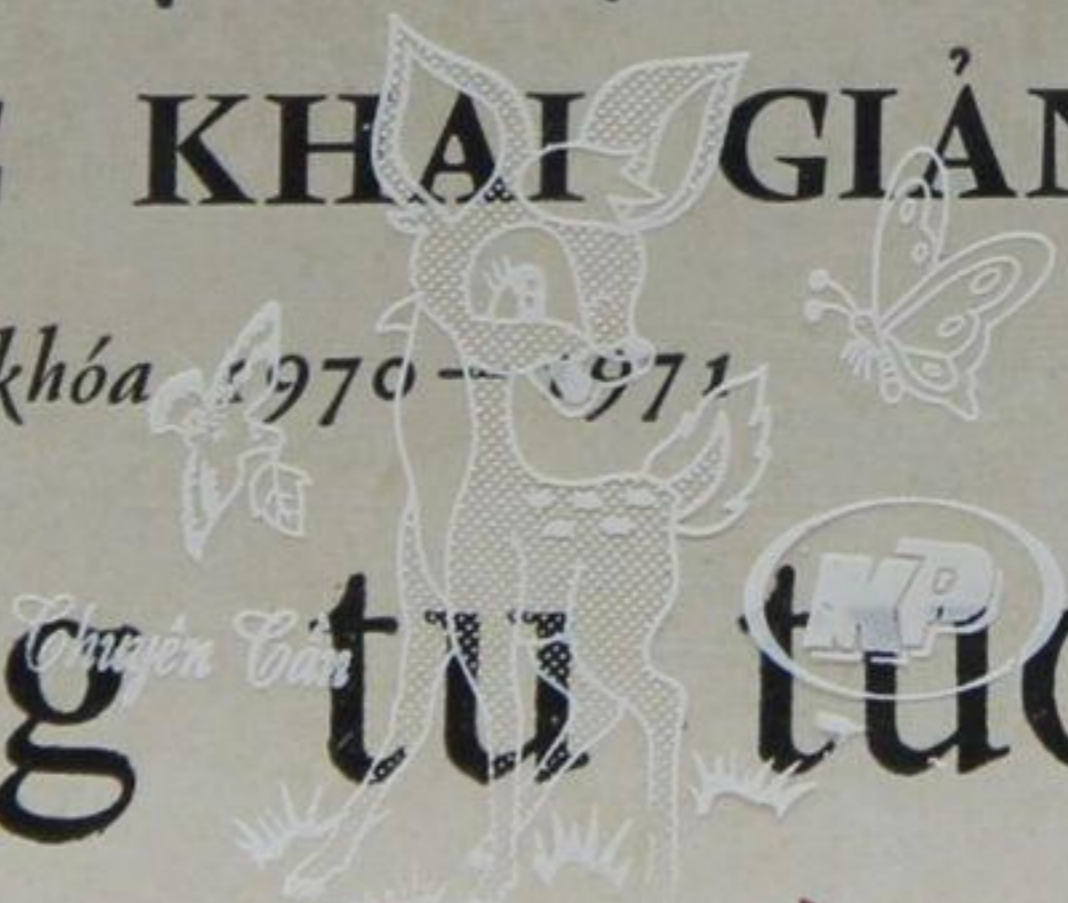
SỐ ĐẶC BIỆT

LỄ TỔNG KHAI GIẢNG

Niên khóa 1970 - 1971

ên
GIÀ LAM
K
070

tu tuong tu tuong
tuong tu tuong



TƯ TƯỞNG

Chủ Nhiệm và Chủ Bút: T.T. THÍCH MINH CHÂU

Số Đặc Biệt về

LỄ TỔNG KHAI GIẢNG
niên khóa 1970 - 1971



Bộ Mới Năm thứ Ba

Số đặc biệt

Ngày 1 tháng 1 năm 1971

bài vở bản thảo xin gửi:

THÍCH NGUYỄN TÁNH

VIỆN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH

222, Trương Minh Giảng, Saigon — đ. t. 25.946

thư từ giao dịch và ngân phiếu

xin gửi: **Cô Hồ thị Minh Tương**





VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

phấn đấu

cho một nước việt nam
tiến bộ

cho một thế giới hòa bình
bằng nỗ lực xây dựng
một nền giáo dục chân chính

THƯ TÒA SOẠN

Trái với dự định đã loan báo, sau khi phát hành Tư Tưởng số 8, chúng tôi cho phát hành thêm Tư Tưởng số đặc biệt về Lễ Tổng Khai Giảng.

Ngoài bài đọc nhân lễ Khai giảng niên khóa 1970-1971 Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn của Cụ Khoa trưởng danh dự Nguyễn Đăng Thục, tạp chí Tư Tưởng số đặc biệt về lễ Tổng Khai giảng niên khóa 1970-1971 của Viện Đại học Vạn Hạnh xin gửi tới độc giả những bài diễn văn đọc trong buổi lễ lớn thường niên nói trên của quý vị:

- Thượng tọa Viện trưởng Thích Minh Châu
- Bác sĩ Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Bộ Giáo dục
- Giáo sư Tôn Thất Thiện, Khoa trưởng Phân khoa Khoa học Xã hội.

Sự kết hợp những bài giảng và bài diễn văn vừa dẫn

ngoài mục tiêu hạn hẹp là cung cấp tài liệu cụ thể cho quý vị hằng lưu tâm đến sinh hoạt của Đại học Vạn Hạnh, còn mang một ý nghĩa kin đáo là nhằm vạch rõ chủ hướng giáo dục mà Viện Đại học Vạn Hạnh đang cố gắng nhắm tới.

Thượng tọa Thích Minh Châu, vị lãnh đạo tinh thần của Viện, nhân dịp chào đời một Phân khoa mới thuộc Viện Đại học Vạn Hạnh — Phân khoa Giáo Dục — đã một lần nữa nói lên lòng tin tưởng sắt đá vào « giá trị miên trường của giáo dục », vào quyết tâm xây dựng một nền giáo dục Đại học trong tinh thần Chân lý, Tự do và Nhân tính, như bản thể của Đại học Vạn Hạnh đã minh định. Lý tưởng đào tạo con người toàn diện đủ bản lãnh thích nghi và đương đầu được với đời sống tiến bộ của khoa học kỹ thuật cuối thế kỷ XX đã được Thượng tọa đặc biệt nhấn mạnh và được giáo sư Tôn Thất Thiện khai triển tỉ mỉ trong bài giảng mở đầu niên khóa.

Khởi đi từ nhận định là có một sự chênh lệch quá xa trong tiến bộ kỹ thuật so với sự cỗi lờ của những định chế và cơ cấu xã hội hiện tại, giáo sư Tôn Thất Thiện vạch rõ sự thất bại của Tây phương và Đông phương qua các ý niệm Con người Kinh tế và Con người Đạo lý và Trật tự. Giáo sư cũng nêu rõ trách nhiệm của đấng Hán Nho và Tống Nho, qua việc phân tách và phê bình hệ thống giáo dục Tống Nho. Mở rộng lãnh vực phê bình vào những ý hệ mới, mang danh là cấp tiến hoặc lành mạnh, giáo sư cho thấy sự lỗi thời của hai loại tổ chức xã hội theo Tự do và Cộng sản hiện nay.



Nếu ra sự cần thiết phải đổi mới xã hội để theo kịp và thay đổi của kỹ thuật, giáo sư Tôn thất Thiện đặc biệt kêu gọi tinh thần trách nhiệm xã hội của nhà học giả xã hội, vì một « Khoa học xã hội vô tư » không đề cập đến vấn đề giá trị là một khoa học xã hội không khi nào có và không thể có được. Phần chót được dành để nêu ra những nhiệm vụ của giáo dục: truyền bá và tạo tác kiến thức, phát huy đức tính đạo lý và công dân cần thiết, và đào tạo chuyên viên tốt và công dân tốt cho tương lai chứ không phải cho quá khứ.

Trên một bình diện khác, bài của Cụ Nguyễn Đăng Thục, Khoa trưởng Danh dự Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn, nêu rõ cái tinh thần đặc biệt trong đường hướng giáo dục Vạn Hạnh, tinh thần « Vạn Hạnh dung tam tế » vào những thời mà Phật giáo và dân tộc Việt Nam trải qua những giai đoạn huy hoàng, hùng mạnh nhất.

Trong bài diễn văn đáp từ, Phó Thủ Tướng kiêm Tổng trưởng Giáo dục đã nhấn mạnh đến « Phong độ tự trị » của Đại học Vạn Hạnh và sự tin nhiệm của Bộ Giáo dục đối với mục tiêu thuần túy giáo dục của Đại học Vạn Hạnh.

Sau số này, Tạp chí Tư Tưởng sẽ nghỉ thường niên và sẽ tái ngộ bạn đọc vào ngày 1 tháng 3 năm 1971, trong số I mở đầu cho năm thứ IV của tạp chí với nhiều cải tiến về nội dung lẫn hình thức.

Nhân đây toà soạn Tư Tưởng xin chân thành cảm tạ quý vị đã cộng tác với Tư Tưởng trong năm vừa qua, cũng

như quý vị độc giả đã theo dõi, hỗ trợ, để Tư Tưởng còn vang lên tiếng nói trong một hoàn cảnh đầy khó khăn như hiện nay.

TU TƯỞNG

Hàng tháng tìm đọc :

● **TU TƯỞNG**

Tiếng Nói của Viện Đại Học Vạn Hạnh

● **VẠN HẠNH Bulletin**

a Shorter English version

of Tư Tưởng (Thought).



DIỄN VĂN TỔNG KHAI GIẢNG

CỦA

THƯỢNG TỌA THÍCH MINH CHÂU

Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh

Kính thưa Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục,

Kính thưa quý vị Viện Trưởng, Phó Viện Trưởng,

Kính thưa quý vị Giáo sư và Phụ huynh Sinh viên,

Kính thưa quý vị Quan khách và thân hữu,

Các Anh chị em Tân Cựu Sinh viên thân mến.

Chúng tôi xin cảm tạ sự có mặt của Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục đã đến chủ tọa buổi Lễ Tổng Khai Giảng năm nay cũng như đã đến chủ tọa Lễ Khai Giảng năm ngoái. Lòng ưu ái và sự giúp đỡ của Phó Thủ Tướng đối với Viện Đại Học chúng tôi là một niềm khích lệ quý giá, giúp chúng tôi cố gắng thực hiện những mục tiêu giáo dục mà chúng tôi đã tự nguyện đề cao và theo đuổi. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác vô cùng quý báu của chư vị giáo sư năm ngoái cũng như năm nay đã không quản ngại sự thanh bạch của Viện



Đại Học Vạn Hạnh, vẫn tiếp tục làm tròn sứ mạng của kẻ sĩ trong thời loạn, làm được những gì có thể làm, một mặt đề tiếp nối truyền thống bất khuất của nhà giáo Việt Nam, một mặt trao truyền lại cho thế hệ trẻ đang lên những gì tốt đẹp nhất của nền văn hóa dân tộc và văn minh nhân loại.

Kính thưa quý vị.

Đã bao nhiêu năm qua, trong quá khứ cũng như trong hiện tại, Viện Đại Học Vạn Hạnh đã được thành lập và được trưởng thành trong bối cảnh một nước Việt Nam bị chiến tranh tàn phá, một xã hội Việt Nam bị xáo trộn phân ly. Nhưng Viện Đại Học Vạn Hạnh chúng tôi vẫn từ tốn khiêm cung cố gắng làm tròn *sứ mệnh giáo dục của mình*, đề cao và tô đậm *giá trị miên trường của giáo dục*, nhấn mạnh và nói lên *giá trị tâm linh của con người*, và xây dựng một nền giáo dục Đại học trong tinh thần « *Chân lý, Tự Do và Nhân Tính* ».

Đến tham dự Lễ Tổng Khai Giảng năm nay, quý vị cũng tận mắt chứng kiến cơ sở Trung tâm Giáo dục và Sinh hoạt Sinh viên mà chúng tôi hiện đang xây cất. Đây là một sự cố gắng nữa của chúng tôi để chứng minh rằng « *Chiến tranh là Tàn phá, Đại học là Xây dựng* ». Trong bối cảnh một nước Việt Nam bị điêu linh và phân hóa bởi chiến tranh, chúng tôi muốn nói lên tiếng nói xây dựng của Đại học, chúng tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh giá trị xây dựng miên trường Giáo dục. Trong cử chỉ xây dựng của chúng tôi, ngoài mục đích giúp cho Sinh viên Vạn Hạnh những tiện nghi để học tập và hoạt động, chúng tôi muốn gián tiếp nhắc nhở Sinh viên Vạn Hạnh



phải tự mình đóng góp xây dựng cơ sở Đại học của chính mình. Đóng góp xây dựng cơ sở Đại học hiện tại để sau này kiến thiết xây dựng tổ quốc trong tương lai, mới xứng đáng là thế hệ trẻ của một nước tao loạn nhưng vẫn vươn mình lên để kiến thiết xây dựng. Chúng tôi rất mừng nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt của một số lớn Sinh viên Vạn Hạnh, trong vài tháng vừa qua đã tự động thành lập Ủy ban Phát triển Cơ sở Đại Học Vạn Hạnh và quyên được một số tiền hơn 500.000\$. Gần như với hai bàn tay trắng, chỉ với thiện chí của nhà Giáo dục, chỉ nghĩ đến tương lai của thế hệ trẻ, chúng tôi đã quyên được số tiền 20 triệu đồng trong tổng số 31 triệu xây cất và chỉ còn thiếu 11 triệu là chúng tôi có thể hoàn thành công tác. Chúng tôi xin Phó Thủ Tướng và quý vị cho phép chúng tôi được kêu gọi ở nơi đây sự tiếp tay và đóng góp của quý vị giúp chúng tôi hoàn thành công tác này. Cử chỉ đóng góp của quý vị vừa là một khích lệ tốt đẹp cho sự nỗ lực giáo dục của chúng tôi, vừa giúp những tiện nghi tối thiểu cho thế hệ trẻ có chỗ học tập và hoạt động.

Một sự cố gắng nữa của chúng tôi trong lãnh vực Giáo dục là sự thành lập Phân khoa Giáo dục bắt đầu từ niên khóa 1970-1971 này. Ngoài trách nhiệm đào tạo các giáo sư Trung học, đặc biệt cho các Trường Bồ Đề như các Phân khoa Sư phạm, chúng tôi muốn nhấn mạnh thêm hai đặc điểm mà chúng tôi xem như là một sự cống hiến đặc thù của Phân khoa Giáo dục. Viện Đại Học Vạn Hạnh chúng tôi khi dùng danh từ Phân khoa Giáo dục chúng tôi muốn tô đậm khía cạnh giáo dục của Phân khoa này. Giáo dục ngày nay đã trở

thành một Khoa học khá tinh vi và tiến bộ. Không những các nhà Giáo dục phải hiểu hết tâm lý học sinh, sinh viên mà còn phải ý thức được những thay đổi quan trọng của xã hội sinh viên sau này phải sống và va chạm, đề hướng dẫn giáo dục cho thích nghi thực dụng.

Do vậy ngày nay chúng ta không thể quan niệm Giáo dục như một nghề cùng đường mặt lộ, vạn bất đắc dĩ, sau khi đã thất bại trong các nghề khác. Chúng ta cũng không chấp nhận quan điểm giáo dục như một thiên phú hay bẩm năng, tự cho lọt lòng mẹ, đã là một nhà giáo dục. Nhà giáo, một danh từ tuy nôm na giản dị, nhưng bao hàm cả một thiên chức thiên nan vạn nan, vừa phải nuôi dưỡng một lý tưởng giáo dục thanh cao, đề cao một gương mẫu đạo đức trong sạch, vừa phải có những kiến thức tổng quát, chuyên nghiệp và chuyên môn của một nhà giáo dục.

Hơn nữa, chúng tôi ý thức rằng giáo dục hiện tại phải đào tạo những con người sống vào cuối thế kỷ XX, một thế kỷ mà khoa học, kỹ thuật đã thay đổi toàn diện bộ mặt xã hội, và tạo thành những môi trường hoạt động khác hẳn với đời sống hiện tại sinh viên đang sống. Sinh viên sau này phải chạm trán với những chủ nghĩa, triết thuyết cực kỳ quá khích và hấp dẫn mà sinh viên phải biết sáng suốt dẫn đo lựa chọn. Sinh viên sau này phải sống trong một xã hội mà máy móc, vật dục, kỹ thuật được phát triển cực kỳ tinh vi đề nô lệ hóa con người, mà sinh viên phải biết cách đối trị, chống đỡ để khỏi trở thành con người nô lệ. Như Giáo sư Tôn Thất Thiện đã từng nói và sẽ đề cập trong

bài nói chuyện của Giáo sư hôm nay, chúng ta những nhà giáo dục, chúng ta sẽ đắc tội với thế hệ trẻ nếu chúng ta đào tạo chúng thành những người bơ vơ lạc lõng, hoang mang vô dụng trong xã hội sinh viên, phải sống và hoạt động sau này.

Viện Đại Học Vạn Hạnh là một Viện Đại Học Phật Giáo, nên giáo dục ở nơi đây sẽ phản chiếu lý tưởng, đường hướng và phương pháp giáo dục của đạo Phật, đó là sắc thái thứ hai của Phân khoa Giáo dục này. Đạo Phật tự nó đã không có giáo điều tín điều, không có mặc khởi, không có thần linh, nên có thể xem là một tôn giáo ít mang màu sắc tôn giáo nhất. Và nếu chúng ta định nghĩa giáo dục là đào tạo con người toàn diện, sống thích nghi xứng đáng là con người trong bất cứ hoàn cảnh xã hội nào, nếu chúng ta xem giáo dục như là phương pháp chuyển tánh từ tà đến chánh, từ ác đến thiện thì chúng tôi có thể nói Đạo Phật là một đạo thuần túy giáo dục nhất. Một vài lời dạy sau đây của đức Phật sẽ chứng minh rõ ràng tinh thần đạo thuần túy giáo dục của Đạo Phật:

« Tumhehi Kiccam atappam, Akkhàtaro Tathàgato ».

« Các người phải cố gắng tự mình nỗ lực, đức Như Lai chỉ là người chỉ đường mà thôi (Pháp Cú 276) »

« Sabbapàpassa akaranam, Kusalassa upasampadà, Sacitta pariyodapanam, Etam Buddhàna Sàsanam ».

« Chớ làm các điều ác, gắng làm các hạnh lành, giữ tâm ý trong sạch, chính lời chư Phật dạy (Pháp Cú 183) »



Và nhất là câu: Yo sahasam sahasena
Sangame mánuse jine
Ekān ca jeyya attānam,
Sa ve sangāmajuttamo. 108

Dầu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Không bằng tự thắng mình,
Thật chiến thắng tối thượng.

Đi sâu vào phương pháp tọa thiền, ngồi thiền là để điều hòa thân, điều hòa hơi thở và điều hòa tâm. Nhờ điều hòa thân và hơi thở, trị được thân bệnh con người. Nhờ điều hòa tâm, trị được tâm bệnh con người. Như vậy tọa thiền là một phương pháp trị thân bệnh và tâm bệnh con người, không có gì mang nặng ý nghĩa tôn giáo. Nếu chúng ta đi sâu vào môn A-tỳ-đàm học của Phật Giáo, Tâm ở Dục giới là một tâm bị Tham ái, Sân hận, Thuy Miên. Trạo cử và Nghi chi phối và làm giao động. Trái lại tâm ở Sơ thiền là một tâm mà 5 triền cái này được thay thế bởi 5 thiền chi: Tham ái được Nhất tâm thay thế, Sân hận được Hỷ tâm thay thế, Thuy miên được Tầm tâm sở thay thế, Trạo cử được Lạc tâm sở thay thế, Nghi được Tứ tâm sở thay thế. Như vậy thuyên định chỉ là một sự thay đổi tâm tánh, một phương pháp giáo dục trong ý nghĩa tốt đẹp nhất của chữ giáo dục. Ở nơi đây chúng tôi muốn nói đến sự thận trọng của chúng tôi không muốn biến đổi một cơ sở Đại học Phật giáo thành một ngôi chùa, và vì vậy chúng tôi đặt rõ ranh giới giữa Tôn giáo và Giáo dục, và đồng thời nhấn mạnh sự liên hệ mật thiết giữa

phương pháp giáo dục và một vài phương pháp tu hành trong đạo Phật. Trung thành với mục đích *Giác ngộ* và *Giải thoát* của đạo Phật, phù hợp với châm ngôn « *Chân lý, Tự do và Nhân lành* » của Viện Đại Học Vạn Hạnh, con người mà Phân khoa Giáo dục muốn đào tạo gây dựng lên, ngoài những kiến thức tổng quát, chuyên nghiệp và chuyên môn mà các giáo sư giảng dạy, chúng tôi muốn đào tạo thêm một thế hệ trẻ, có những đức tánh tôn trọng sự thật, tôn trọng sự sống dầu phải sống trong một xã hội đầy thủ đoạn hận thù, những con người tự tại và tự chủ trong khi phải sống trong một cảnh bị vật chất máy móc vật dục chi phối nặng nề, những con người đầy nhân phẩm, nhân cách, dầu phải sống trong một xã hội tao loạn phi nhân.

Kính thưa Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Bộ Giáo Dục, kính thưa quý vị Viện Trưởng, Phó Viện Trưởng kính thưa quý vị Quan khách, Giáo sư, và toàn thể anh chị em sinh viên.

Chúng tôi muốn nhân dịp này lên tiếng đón mừng hai Đại học tân lập, Đại Học Minh Đức do Linh Mục Bửu Dưỡng làm Viện trưởng và Đại Học Hòa Hảo do Giáo sư Lê Phước Sang làm Viện trưởng. Chúng tôi đón chào quý vị trong gia đình Đại học Việt Nam và mong muốn một sự hợp tác chân thành và hữu hiệu giữa quý vị cùng chúng tôi để cùng nhau phục vụ cho Đại học Việt Nam.

Chúng tôi cũng muốn nhắc lại một nguyên tắc căn bản về đường hướng mà Viện Đại Học Vạn Hạnh đã theo



đuổi và trung thành 6,7 năm lại đây. Viện Đại học Vạn Hạnh là một cơ sở giáo dục thuần túy, không có cao vọng xu hướng chính trị nào. Nhưng cá nhân Giáo sư, sinh viên và nhân viên có quyền tham gia và hoạt động chính trị như mọi người công dân. Sự hoạt động đó chỉ nhân danh cá nhân đương sự, không phải đại diện cho đường hướng lập trường của Vạn Hạnh. Chúng tôi sợ dĩ nói lại vấn đề lập trường là để tránh những sự ngộ nhận xuyên tạc, do một vài cá nhân hoạt động mà bị xem như là Đại Học Vạn Hạnh chủ trương. Chúng tôi cũng muốn tránh luôn cái nạn một vài cá nhân hay một vài nhóm cá nhân cứ nhân danh Vạn Hạnh mà tuyên bố bừa bãi. Vạn Hạnh từ trước đến nay vẫn trung thành và luôn luôn trung thành với mục tiêu thuần túy giáo dục của mình.

Trong niềm tin tưởng thiêng liêng vào giá trị miên trường của giáo dục, với ý thức trách nhiệm của chúng tôi đối với thế hệ sinh viên trẻ tuổi, chúng tôi xin long trọng tuyên bố Khai Giảng niên khóa 1970-71, và xin cảm tạ sự hiện diện và sự cộng tác quý báu của Phó Thủ Tướng, quý vị Viện trưởng, quý vị Quan khách, quý vị Giáo sư cùng toàn thể anh chị em Sinh viên Vạn Hạnh.

Thượng Tọa **THÍCH MINH CHÂU**
Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh



Diễn Văn

CỦA

PHÓ THỦ TƯỚNG KIÊM TỔNG TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
đọc trong buổi Lễ Tổng Khai Giảng niên khóa 1970-71
tại Viện Đại Học Vạn Hạnh ngày 01-12-1970

Kính thưa Thượng Tọa Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh,
Kính thưa quý vị Giáo sư Viện Trưởng Đại học,
Kính thưa quý vị Giáo sư và Quan khách.

Hôm nay tôi được hân hạnh chủ tọa Lễ Tổng Khai Giảng năm học mới 1970-1971 của Viện Đại học Vạn Hạnh. Đây là một lễ lớn trong truyền thống các Đại học.

Tôi thành thật cảm ơn Thượng Tọa Viện Trưởng và Hội đồng Đại học của Viện đã dành cho tôi cái vinh dự này.

Kính thưa quý Vị.

Như quý vị đã rõ, một phần tư thế kỷ qua nước nhà lâm vào đại họa Cộng sản, tất cả mọi nỗ lực của quốc dân và mọi tài nguyên của quốc gia đều đổ dồn vào việc cứu quốc, nhờ đó mà chúng ta đã dành được một phần



nửa đất nước cho sinh hoạt tự do của chúng ta trong những lãnh vực Văn hóa, Chính trị, Kinh tế, Xã hội. Tuy nhiên trong những sinh hoạt đó chúng ta đã gặp bao khó khăn và trải bao gian nan vượt mức. Nhất là trong lãnh vực Giáo dục.

Nước ta đã nhỏ bé, nghèo nàn nên từ khi dành lại độc lập các tầng lớp thanh niên nam, nữ nô nức đua nhau đến học đường, mong trau dồi khả năng để góp phần kiến quốc, cường dân, hầu đưa nước nhà lên kịp đà tiến hóa của năm châu. Nhưng nhân dân ta đã gặp hạng cường địch quốc tế, luôn luôn bức bách chúng ta vào cái thế «cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng». Nên khi có dịp đem thanh bình lại cho đất nước thì địch lại phá vỡ và tái tạo cảnh loạn lạc, điêu linh, thảm khốc.

Trong những lớp sóng dồn dập của thác lũ loạn ly, mọi cố gắng về tổ chức giáo dục của quốc gia với những phương tiện quá eo hẹp đều bất cập. Bởi vậy, trước hoàn cảnh đó, nếu có tư nhân hay tập thể đứng ra chủ trương các công cuộc giáo dục là điều vạn hạnh cho tuổi trẻ, và được mọi cơ quan, mọi giới ủng hộ, tán thành.

Nay đã bảy năm qua, Thượng Tọa Minh Châu đứng ra điều hành cơ sở giáo dục, cấp Đại học này, của một tôn giáo lớn trong nước sáng lập, bao nhiêu thiện tâm, thiện chí, bao nhiêu công lao của Thượng Tọa, quốc dân đều biết rõ. Nhân đây tôi xin phép lấy tư cách riêng tôi, và nhân danh Bộ Giáo Dục ca ngợi thành tích giáo dục của Thượng Tọa và của Viện Đại học Vạn Hạnh. Tôi cũng ca ngợi toàn ban giảng huấn đã cộng tác với Thượng Tọa.



Riêng Bộ Giáo Dục thì không chỉ ca ngợi suông, mà còn đặt lòng tin nhiệm nơi Đại học Vạn Hạnh từ lúc ban đầu. Bộ đã biệt phái nhân viên để tăng cường công tác học vụ và học chánh cho Viện. Bộ luôn luôn lưu ý trong việc phân phối, trợ cấp học bổng cho Vạn Hạnh, cũng như đã đồng đều cố gắng, giúp mọi cơ sở giáo dục tư khác trong toàn quốc, luôn chú ý mời Đại học Vạn Hạnh tham dự mọi sinh hoạt giáo dục trong tầm quốc gia và quốc tế. Hằng năm Bộ Giáo Dục đã mời Thượng Tọa Viện Trưởng hay các vị đại diện Vạn Hạnh đi dự các Hội nghị trong nước và ngoài nước. Bộ đã dành mọi ưu tiên và dễ dãi cho các ứng viên của Vạn Hạnh để cử đi du học, nhằm đào luyện giáo chức và nhân viên chuyên môn tương lai cho Vạn Hạnh. Và Bộ cũng không quên mời sinh viên Vạn Hạnh tham dự trong mọi sinh hoạt cộng đồng của quốc gia hay của tập thể sinh viên toàn quốc.

Đáp lại, Viện Đại học Vạn Hạnh cũng đã thực hiện công việc giáo dục một cách nghiêm túc. Hằng năm, các danh sách sinh viên ghi tên nhập học, chương trình giảng huấn của các Phân khoa cùng danh sách giáo sư, các biên bản và kết quả thi cử, thuộc Viện đều có gửi lên Bộ trình duyệt. Các bằng cấp Cử nhân của Vạn Hạnh cũng được Bộ lưu tâm chiếu khán.

Với tinh thần phục vụ giáo dục một cách vô tư, vô lợi của Thượng Tọa Viện Trưởng, với mọi điều hành nghiêm túc của các Phân khoa, Viện Đại học Vạn Hạnh đã tự tạo một phong độ tự trị. Vậy thì việc đưa trình duyệt các công vụ học chánh và việc chiếu khán văn

bằng là một cử chỉ hỗ trợ công tác để bảo đảm cho tinh thần tự trị đó, trong những bước đầu của giai đoạn mới tổ chức.

Bởi thế cho nên trong những ngày tôi nắm quyền điều hành Bộ Giáo Dục, trong mọi cuộc hội kiến giữa tôi và Thượng Tọa Viện Trưởng, chúng tôi đã rất dễ dàng thông cảm nhau trong mọi công việc: tôi trong tư thế của Chính quyền giáo dục trung ương, Thượng Tọa Minh Châu trong tư thế của tập thể Tôn giáo và Đại học tư lập, đã gặp nhau trong một sự tương đắc trên lập trường giáo dục thuần túy.

Tôi ước mong với tinh thần này của Đại học Vạn Hạnh, Đại học Vạn Hạnh sẽ tiến xa và sẽ thỏa đáp được mọi ước vọng của các tầng lớp Nam, Nữ sinh viên.

Tôi cầu chúc Thượng Tọa Viện Trưởng và Đại học Vạn Hạnh thành công.

KÍNH CHÀO QUÝ VỊ
NGUYỄN LƯU VIÊN



ĐẠI HỌC VĂN HẠNH VÀ QUỐC HỌC

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

ĐẠI HỌC LÀ GÌ?

Từ Trung học bắt đầu bước sang Đại học, các bạn thanh niên sinh viên nên biết đại khái Đại học là gì? Hướng chi nền Đại học, nhất là Văn khoa Nhân văn là một cơ quan giáo dục đối với chúng ta hãy còn là mới mẻ, vì nó còn ở thời kỳ phôi thai, mặc dầu có sự cố gắng tranh đấu đi liền với cuộc tranh đấu giải phóng của dân tộc hơn hai mươi năm nay mà chưa thành tựu. Đủ biết ở nước ta Đại học có quan hệ mật thiết với dân tộc như thế nào.

Đại học là gì, theo như người ta ở các nước từng có truyền thống Đại học lâu dài? Nhà triết gia, toán lý kiêm giáo dục gia có uy tín thế giới hiện nay là A. N. Whitehead, căn cứ theo định luật biện chứng tư tưởng mà phân biệt ba

* Bài Giảng Mở Đầu Niên Khóa 1970-1971 của Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn.

giai đoạn của quá trình giáo dục là giai đoạn tình cảm, giai đoạn chính xác và giai đoạn tổng hợp, tương đương với ba cấp giáo dục phổ thông ngày nay là Tiểu học, Trung học và Đại học. Tiểu học là giai đoạn thâu thái những trí thức lẻ tẻ chưa có hệ thống, khác nào như giác quan của đứa trẻ bắt đầu tiếp xúc với thế giới sự vật, đang thời kỳ Cách tri. Trung học là giai đoạn chính xác của phép tắc, phép tắc ngôn ngữ cũng như phép tắc khoa học. Ở đây học sinh bắt đầu xếp loại, tìm trí thức có hệ thống. Đại học là giai đoạn thứ ba hoàn tất cái học của một người trưởng thành, ấy là giai đoạn tổng hợp. Ông viết về chu kỳ giáo dục (Rhythm of education):

«Toàn thể chu kỳ từ thơ ấu đến trưởng thành là một quá trình chu tuần lưu. Giai đoạn tình cảm thơ mộng của nó trải suốt 12 năm của đời thơ ấu, giai đoạn chính xác gồm cả thời học vấn ở các trường Trung học, và giai đoạn tổng hợp phổ quát là thời kỳ bước sang người lớn. Đối với những người mà giáo dục được tiếp tục sau Trung học thì khóa trình Đại học hay là cái chi tương tự, ấy là thời kỳ của sự tổng hợp phổ quát. Tinh thần tổng hợp phải chi phối lãnh đạo một Đại học. Các bài giảng là đề cho những ai quen thuộc với những chi tiết và thủ tục học hành. Trong thời kỳ Trung học, học sinh đã để hết tâm trí vào bàn học nhà trường, ở Đại học nó sẽ đứng lên khỏi bàn học để ngó nhìn chung quanh nó. Vì thế mà sự quyết định ở năm đầu tại Đại học không được để cho mất uổng vào công việc về trước với tinh thần cố hữu. Ở Trung học học sinh từ chỗ đặc thù khó khăn đau đớn với trông lên những ý tưởng tổng quát. Ở Đại học nó sẽ phải bắt đầu với những ý tưởng tổng quát và học sự ứng dụng của chúng vào những trường hợp cụ thể. Một

chương trình Đại học khéo xếp đặt là một khóa trình bao quát lớn về sự tổng quát.»

(The Aims of Education — Alfred North Whitehead)

Ở đây Whitehead đã quan niệm các giai đoạn giáo dục như là khuôn theo định luật biện chứng (dialectique) của Hegel, và dùng đến danh từ Rhythm, Cycle = Chu kỳ tiến hóa của giáo dục. Do đấy chúng ta hiểu rằng cái quá trình chu kỳ ấy không hẳn giới hạn vào thời kỳ mà là ở mỗi giai đoạn, cũng như ở mỗi vấn đề học hỏi đều theo quá trình chu kỳ biện chứng ấy cả. Cái quá trình biện chứng về giáo dục như thế rất phù hợp với quan niệm của Khổng Tử khi Ngài nói: «*Hưng ư Thi, Lập ư Lễ, Thành ư Nhạc*». Giáo dục của một con người đến chỗ thành tựu bắt đầu là lấy thơ văn để làm cho tình cảm phong phú hứng khởi, đấy là giai đoạn mà Whitehead gọi là Romance = thơ mộng tình cảm. Kế đến phải lấy Lễ là Lý để uốn nắn con người vào phép tắc, có thể đứng vững vào lập trường để phân biệt phải trái tốt xấu. Đấy là giai đoạn mà Whitehead gọi là chính xác (precision). Giai đoạn thứ ba và cuối cùng là giai đoạn thành tựu ở chỗ điều hòa thành điều lý nhất quán bằng tinh thần của Nhạc là hòa điệu, tức là giai đoạn mà Whitehead gọi là tổng hợp phổ quát (synthesis generalisation). Như thế thì giáo dục xưa ở Á đông và Việt nam cũng không xa lạ với quan niệm khoa học tối tân ngày nay. Và ở Á đông người ta cũng đã quan niệm giáo dục Đại học như là «*Đại nhân chi học*» «*Cái học của người lớn*» vậy. Hỡi «*người lớn*» là thế nào, thì Vương Dương Minh mà tư tưởng đã ảnh hưởng quyết định vào công cuộc phục hưng Nhật bản, đã giải đáp:

« Người lớn là người coi trời đất muôn vật làm một thể với mình, coi thế giới như một nhà, người trong nước như một người vậy. Ví bằng lấy thân thể hình thức bên ngoài để phân biệt ta và người, như thế là tiểu nhân. Người lớn « đại nhân » mà có thể lấy trời đất muôn vật làm một thể với mình thì chẳng phải do ý muốn thế đâu, mà là do cái lòng nhân ái vốn gốc như thế, cùng với trời đất muôn vật là một vậy. »

Đấy là họ Vương đã lấy cái đại ý tưởng « Nhân » mà Cao Bá Quát ở Việt nam đã giải thích là « Kiền Khôn nhất sinh ý » « Ý chí sinh thành duy nhất của Trời Đất » để làm ý tưởng phổ quát tổng hợp cho cái học Đại học như Whitehead ngày nay đã mong muốn. Và chính cũng với cái tinh thần tổng hợp trên đây mà vua Lý Nhân Tông đã xưng tụng thiên sư Vạn Hạnh lấy làm bô đước cho Quốc học thời Lý :

VẠN HẠNH DUNG TAM TẾ
CHÂN PHÙ CỔ SẤM KỶ
HƯƠNG QUAN DANH CỔ PHÁP
TRỤ TÍCH TRẦN VƯƠNG KỶ

*

(Vạn Hạnh hợp ba kiếp
Thật đúng lời sấm xưa
Quê làng tên Cổ Pháp
Chống trượng vững Quốc gia.)

QUỐC HỌC VIỆT NAM

Cái ý tưởng « Dung tam tế » của Vạn Hạnh chính là cái



Tâm thiền không còn phân biệt quá khứ, hiện tại, vị lai, là cái tâm khai phóng cởi mở để thấu nhận và tổng hợp sáng tạo, rất thiết yếu cho dân tộc thời Lý, mới giải thoát khỏi ách đô hộ của Tàu, và đang xây dựng một quốc gia độc lập, tự do hùng mạnh, Bắc đánh Tống, Nam dẹp Chiêm, Tây phạt Đại lịch. Có như thế mới đứng vững là một dân tộc tự do, độc lập thành thế ba chân vạc giữa Đông Nam Á thời bấy giờ vậy. Xem thế đủ thấy vua Lý Nhân Tông không những đã hiểu tinh thần tổng hợp của Đại học Âu tây ngày nay khi đề cao Thiền học «Dung Tam Tế» của Vạn Hạnh mà còn ứng dụng cái ý tưởng phổ quát ấy vào vấn đề cụ thể là lấy nó làm ý thức dân tộc, để xây dựng Quốc gia triều nhà Lý trên tinh thần khai phóng như lịch sử còn ghi.

Điều mà ai cũng biết là một dân tộc cần phải có ý thức dân tộc trước hết, cũng như một người phải có ý thức về mình thì mới bắt đầu là một cá nhân. Điều kiện tiên quyết về sự có thật của một dân tộc chính là cái ý thức dân tộc. Cái ý thức ấy phản chiếu trước hết vào ngôn ngữ để diễn đạt tư tưởng cũng như tình tự và ý muốn của mình. Ngày nay Quốc tế công pháp căn cứ vào ngôn ngữ để phân biệt dân tộc, tuy ngoài ngôn ngữ còn có nhiều yếu tố khác như lãnh thổ, kinh tế, chính trị, văn hóa, chủng tộc hợp cả lại mới tạo nên một dân tộc. Nhưng yếu tố ngôn ngữ vẫn là yếu tố khách quan phổ thông và chính yếu, làm môi giới giữa tâm lý sinh lý với đoàn thể xã hội, đoàn thể xã hội với hoàn cảnh địa lý của các nhóm người. Bởi thế mà qua ngôn ngữ người ta biết được cá tính của một dân tộc. Nguyễn Trường Tộ chẳng đã viết:

«Nước nào có chữ của nước ấy, và khi đọc lên thành ra tiếng nói hàng ngày mà ai nấy đều hiểu». (Tế cấp bát điều)

Và ở Hà nội, sau đệ nhất thế chiến, có nhóm văn học đã cổ võ Truyện Kiều với những khẩu hiệu cực đoan «Truyện Kiều còn tiếng ta còn, tiếng ta còn nước ta còn».

Nhưng ngôn ngữ cũng chỉ là phương tiện để diễn đạt và trao đổi tình tự giữa người với người, chứ không phải cứu cánh để dựng lên một «Vạn lý trường thành» giữa các dân tộc trên thế giới. Và các dân tộc muốn hiểu lẫn nhau, thông cảm với nhau phần nhiều là nhờ thông hiểu ngôn ngữ của nhau. Ngày nay trong thế giới mật thiết tương quan «năm châu một chợ» sự thông hiểu ngôn ngữ, không những ngôn ngữ của nước mình là thiết yếu mà còn cần phải tinh thông ngoại ngữ để giao dịch với thế giới, nhất là ở vị trí địa lý và dân số Việt nam hiện nay.

Nhưng thông ngôn ngữ không phải là có quốc học, vì quốc học không phải để đào tạo những nhân tài thông ngôn để làm thông dịch viên mà thôi. Đại học có tinh thần quốc học, cốt để đào tạo cho sinh viên có thể dùng ngôn ngữ của mình và của người để diễn đạt cái gì cho dân tộc và của dân tộc. Nhà tâm lý xã hội Gustave Le Bon đã viết:

«Sự sinh hoạt của một dân tộc, cùng những biểu hiện văn minh của dân tộc ấy chẳng qua là phản chiếu cái hồn trong dân tộc là cái dấu hiệu rõ ràng của một vật không trông thấy mà có thực. Những việc xảy ra bên

ngoài chẳng qua là biểu diện của dương mới uẩn nó làm nguyên nhân ở bên trong. Thể cách tâm lý của một giống, không những là gồm những người hiện đang sống của giống người ấy, mà nhất là gồm cả những tổ tiên đã đề tạo ra giống ấy nữa. Trong cuộc sinh tồn của một dân tộc không phải là người sống, chính là người chết chiếm một địa vị lớn vậy. Tạo ra luân lý làm chủ động cho hành vi của người sống, chính là người chết đó. Vậy thời trong lịch sử một dân tộc không phải là ngẫu nhiên, không phải là những cơ hội bên ngoài, và nhất là không phải các chế độ chính trị đã chiếm địa vị cốt yếu. Chính là cá tính của dân tộc ấy!» (N.P. 1939)

Cá tính ấy là quốc hồn, quốc túy, chính là tinh thần của quốc học và là đại ý tưởng tổng quát của Đại học Việt nam. Bởi lý do trên, Đại học Vạn Hạnh lấy tên một Thiền sư Việt nam thời dân tộc mới được độc lập. Và nó đã bắt đầu bằng phân khoa Phật học bên cạnh Văn khoa và Nhân văn học. Muốn xây dựng một Đại học có tinh thần Quốc học cho một dân tộc đang trưởng thành, theo gương Nhật bản thời Minh Trị, chúng ta phải tìm căn bản ở một chủ nghĩa Việt nam. Chủ nghĩa Việt nam như chúng tôi từng chứng minh, chính là truyền thống tư tưởng khai phóng của Tam giáo do Thiền tông Việt nam làm cơ cấu, trải qua hàng ngàn năm đã ăn sâu vào tủy não của nhân dân. Cái tín ngưỡng cởi mở của tâm linh thực nghiệm ấy là phần cốt yếu, là linh hồn vì nó quyết định cá tính dân tộc. Còn Văn học và Nhân văn học thuộc về tri thức khoa học là phần thể xác. Thể xác quan hệ mật thiết với thần hồn bằng không thì Đại học là cái học vô hồn. Đại học Vạn Hạnh muốn

đem lại cho quốc dân một nền Quốc học chân chính đã phải tìm về dấu cũ của Thiền sư Vạn Hạnh, người đầu tiên đã đem tâm lý sinh lý thực nghiệm của Thiền học, đề khai phóng cho tinh thần khỏi cố chấp vào các hệ thống giáo điều cố định bế tỏa, để thấu hóa tổng hợp và điều dung các trào lưu tư tưởng và tín ngưỡng mâu thuẫn chống đối trên đất Bắc Việt thời Đinh, Lý, nhà Nho, Lão, Bà la môn, Lạt ma, Thần đạo, Vật linh, Phật giáo. Có kẻ cuồng tín bấy giờ muốn giết Sư. Sư được tin chỉ gửi cho y bài kệ, tỏ rõ cái tinh thần Thiền của Sư không oán thù:

Thổ mộc tương sinh ngân dữ kim
 Vi hà mưu ngã uẩn linh khâm
 Đương thời ngũ khẩu thu tâm tuyệt
 Chân chí vị lai bất hận tâm

(Đất với cây cỏ sinh lẫn nhau cũng như kim với ngân
 Tại sao mưu hại ta giấu ở trong lòng?
 Lúc này lòng ta buồn hết sức
 Nhưng sau này ta cũng không có lòng thù oán.)

Nhờ cái tinh thần Quốc học cởi mở ấy chúng ta mới có thể thấu hóa và sáng tạo vậy. Nói thấu hóa và tổng hợp thì điều kiện cốt yếu là phải tự ý thức lấy mình trước, nếu không thì sẽ chỉ là vật hóa, nghĩa là hóa theo người thành nô lệ hóa. Một dân tộc mà nô lệ cả đến tinh thần văn hóa thì còn chi là dân tộc?

Nhằm mục đích thấu hóa sáng tạo cho nên Đại học Vạn Hạnh có khoa Nhân văn đi đôi với Văn học và Phật học.



Thời nay là thời trao đổi Quốc tế, các dân tộc tìm thông cảm với nhau. Muốn thông cảm và trao đổi giữa người trong nước cũng như với người ngoại quốc, thì cần phải lấy con người làm tiêu chuẩn. Khoa học Nhân văn chính để khảo cứu về Người, cá nhân cũng như đoàn thể, con người bằng da bằng thịt hiện sinh với người khác, với đoàn thể khác, con người trong liên hệ với những điều kiện thực tế địa lý và lịch sử. Cái học này phải lấy làm cơ bản cho giáo dục của dân tộc, vì có hiểu con người thì mới biết đường thông cảm với nhau giữa người trong một nước cũng như với người nước khác. Và có hiểu con người trong hiện thực thì rồi mới hiểu được con người siêu nhiên.

Chúng ta đứng giữa các trào lưu văn hóa thế giới, ở chỗ gặp gỡ giữa Đông và Tây, chúng ta mong bảo vệ văn hóa cổ truyền Á châu, thâm hóa sáng tạo văn hóa khoa học Âu Mỹ. Muốn đạt mục tiêu trên thì đừng quên lời tuyên bố của Thánh Gandhi ở Đại học Quốc gia Gujerat năm 1920 :

« Nghiên cứu có hệ thống các nền văn hóa Á châu cũng thiết yếu như các khoa học Âu Tây để có được một nền giáo dục hoàn hảo. »

Muốn hiểu được văn hóa cổ truyền Á châu mà lâu nay chúng ta đã xao lãng, sinh viên Vạn Hạnh phải học Hán văn, Chữ nôm, và Sanskrit hay Pali, là những cổ ngữ mật thiết quan hệ đến quốc hồn quốc túy Việt nam. Đồng thời sinh ngữ thế giới như Anh văn, Pháp văn chúng ta cũng phải trau dồi, không những để giao dịch mà còn để nghiên cứu các vấn đề khác.

Trên đây là đại khái đường lối Quốc học của Đại học Vạn Hạnh, có thể tóm tắt vào mấy điểm sau đây:

1) — Tiến đến Quốc học theo như tinh thần Thiên học Vạn Hạnh là tinh thần khai phóng truyền thống của dân tộc.

2) — Đứng ở quan điểm Nhân văn học để bảo vệ giá trị cổ truyền của dân tộc và để thâu hóa tổng hợp tinh hoa văn hóa thế giới.

3) — Giá trị thực học căn cứ vào công trình sáng tác trước hết và lấy Việt nam làm chủ thể.

4) — Tổ chức niên học thay cho chứng chỉ nhiệm ý để phát triển tri thức đại cương ứng dụng vào các vấn đề cụ thể do xã hội thực tế đặt ra, và để làm cho thời kỳ chuyển tiếp với Trung học bớt đột ngột cho sinh viên Việt nam hiện nay.

5) — Mở Cao học cho Cử nhân để phát triển khả năng chuyên môn và hoàn thành quá trình chu kỳ giáo dục Việt nam.

Lịch sử tranh đấu cho Văn khoa Việt nam rất quan hệ với ý thức dân tộc như bước đường thăng trầm của Quốc học từ đầu thế kỷ XX tới nay. Cái mang danh là Đại học Hà nội thời Pháp thuộc là một Đại học không có hồn vì không có Văn khoa. Sở dĩ như thế là vì có Văn khoa thì ý thức dân tộc sẽ nổi dậy, bằng chứng là khoảng năm 1907-1908 nhân có nhóm sĩ phu ở Hà nội mở trường Đông Kinh Nghĩa Thục để cách mệnh lối học khoa cử từ chương « Vạn dân nô lệ cường quyền hạ. Bất cổ văn chương túy mộng

trung». Chính phủ Bảo hộ cũng cho phép giáo sư Maybon bắt đầu khai giảng bằng tiếng Pháp về lịch sử Việt nam. Nhưng vì một hành động chính trị bạo động xảy ra, một trái lựu đạn nổ ở nhà hàng Coq d'or làm thiệt mạng hai quân nhân Pháp, tức thì giáo sư Maybon ngừng giảng Văn khoa, mà Đông Kinh Nghĩa Thục cũng bị giải tán, giáo sư cũng như sinh viên bị bắt bị kết án, bị đi đày hay bị hành hình. Và từ đấy danh từ Văn khoa cũng như Quốc học là đồ quốc cấm. Kịp đến 1945 cách mệnh thành công, việc đầu tiên là giới trí thức mở Đại học Văn khoa ở Hà nội. Nhưng số phận của nó cũng lại đi theo với số phận kháng chiến Việt minh mà tản cư. Mãi đến 1949 Bảo Đại trở về lập Chính phủ Quốc gia, bấy giờ thấy cần có một nền giáo dục dân tộc nên người ta vội mở Đại học Văn khoa đặt bên cạnh trường Y Khoa Hà nội, giáp với chuồng ngựa đua, nên người ta thường riêu gọi là Văn khoa chuồng ngựa.

Rồi hiệp định Genève 1954 cắt đôi đất nước, số phận Văn khoa với Quốc học cũng di cư vào Sài thành, bắt đầu lang thang hết xó này xó khác trước khi đến đóng ở vị trí nhà Khám lớn Saigon thời Pháp thuộc, nơi từng giam cầm nhà cách mệnh dân tộc Nguyễn An Ninh, người đã sớm hô hào Quốc học Việt nam ở miền Nam này.

Đây là lược qua vài nét chìm nổi phiêu lưu của nền Quốc học Việt nam, để chứng minh cái ý nghĩa trọng đại của nó đối với Giáo dục Quốc gia và ý thức dân tộc. Cái ý thức ấy như chúng tôi đã trình bày nhiều lần phải được phản chiếu trung thực vào các Đại học Việt nam ngày nay, ngõ hầu đào tạo lấy vai trò lãnh đạo dân tộc không cách biệt với nhân dân, biết thông cảm với nguyện vọng âm thầm

của các tầng lớp xã hội nhất là tầng lớp nông dân. Có như thế thì Đại học Việt nam mới có truyền thống, bằng sự tiếp nối với truyền thống văn hóa của một dân tộc, vốn không phải tờ giấy trắng muốn viết chi cũng được, mà là một dân tộc đã có lịch sử ngàn năm « Văn hiến chi bang ».

Ngày nay chúng ta đọc lại đoạn văn đạo học hết sức khai phóng của Trần Thái Tông, người đầu tiên đã đề cao danh từ Quốc học :

« Động vật còn hay tiếp thụ sự Giác ngộ, huống chi người ta sao chẳng hồi tâm? Có kẻ vùi đầu ăn uống, sống uổng một đời. Có kẻ làm đường tu hành, không hiểu ý Phật. Nên biết tình giác Bồ đề ai nấy toàn vẹn, mà hay căn thiện Bát Nhã người người đầy đủ. Đừng hỏi bậc này Đại ẩn hay Tiểu ẩn, để còn phân biệt hạng tại gia, hạng xuất gia. Không nệ nào Tăng nào Tục, chỉ cốt biện biệt lấy Tâm, vốn không có Nam hay Nữ, sao còn chấp vào hình tướng? Người chưa sáng tỏ làm phân ra Tam giáo, hiểu thấu đến nguồn thì cùng giác ngộ một Tâm. » (*Phổ Khuyến Phát Bồ Đề Tâm*)

So đoạn văn trên của vị vua Thiền sư Việt nam thế kỷ XIII với mở đầu « The aims of Education » của Whitehead sau đây :

« Văn hóa là hoạt động của tư duy, và sự cảm thụ về cái đẹp và nhân tính. Những mẫu kiến thức không có chi quan hệ với nó cả. Một người chỉ nhiều kiến thức là một vật vô vị nhất trên đời. Mục đích giáo dục nhằm đào tạo hạng người vừa có trí thức chuyên môn, vừa có văn hóa. Trí thức chuyên môn của họ đem cho họ cơ bản để bắt đầu vào đời và văn hóa của họ sẽ đưa họ vào sâu như triết học và lên cao

như nghệ thuật. Chúng ta nên nhớ rằng sự mở mang trí thức đáng giá là sự tự mở mang chính con người mình.»
(*The Aims of Education*)

Xem thế đủ thấy hai tư tưởng cũng tương đồng, tuy xa cách về không gian và thời gian, cho nên cái học cổ điển Việt nam không phải là không bổ ích lớn vậy. Ích lợi trước hết là để chứng minh không phải «Đông là Đông và Tây là Tây» mà là «Bề Đông có Thánh nhân thì cũng một tâm, bề Tây có Thánh nhân thì cũng chỉ một chân lý».

NGUYỄN ĐĂNG THỰC



TU TƯỢNG

BỘ MỚI Năm Thứ III Đóng Bộ.

TU TƯỢNG bộ mới Năm thứ III (1970) gồm 8 số (từ số 1 đến 8) dày trên 1000 trang. Với những chủ đề đã in ở bìa sau số này (số 8).

Với những bài của :

**THÍCH MINH CHÂU. THÍCH TRÍ TỊNH. THÍCH QUẢNG ĐỘ.
THÍCH NGUYỄN TÁNH. NGUYỄN ĐĂNG THỰC. TÔN THẤT
THIỆN. NGÔ TRỌNG ANH. PHẠM CÔNG THIỆN. TUỆ SỸ.
CHƠN HẠNH. THẠCH TRUNG GIẢ. LÊ TÔN NGHIÊM.
KIM ĐỊNH. BÙI GIÁNG. PHẠM THIÊN THƯ. HOÀI KHANH.
HUY TƯỢNG. TUỆ KHÔNG. TRẦN XUÂN KIÊM V. V...**

Sẽ được đóng thành bộ, bìa da, gáy mạ vàng, giá 800\$; ở xa thêm cước phí bảo đảm 200\$.

Liên lạc nơi cô

Hồ thị Minh Tương

Viện Đại học Vạn Hạnh.

222 Trương Minh Giảng — Saigon

KỸ THUẬT, KHOA HỌC XÃ HỘI, GIÁO DỤC, và TƯỞNG LAI VIỆT NAM *

TÔN THẤT THIỆN

Thưa Ông Tổng Trưởng,

Thưa Quý vị,

Anh Chị Em Sinh viên,

Năm nay, phần ngân sách quốc gia dành cho giáo dục không thay đổi mấy, trong khi số sinh viên gia tăng nhiều và giá cả càng leo thang gấp bội vì thuế cao và vì đồng bạc bị phá giá. Như vậy nghĩa là ngân sách về giáo dục đã bị giảm bớt khá nhiều trong thực tế. Riêng về Viện Đại Học Vạn Hạnh, trợ cấp nhà nước năm nay là 12 triệu đồng, y hệt năm qua. Với số sinh viên tăng từ 3.000 lên 4.000, và giá cả tăng hơn gấp đôi, trợ cấp nhà nước cho Viện này đã đương nhiên bị cắt gần hai phần ba. Đó là một đòn khá nặng cho tất cả những người lo về giáo dục, nghĩa là lo xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho xứ sở này.

* Bài giảng nhân ngày Khai trường, niên khóa 1970 — 1971 của Viện Đại Học Vạn Hạnh, ngày 1/12/1970 của Giáo Sư TÔN THẤT THIỆN, Khoa Trưởng Phân khoa Khoa Học Xã Hội,



Năm tới chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn về tài chính. Điều đó không tránh khỏi. Nhưng nếu ta thực sự thương nước, chúng ta phải tiếp tục. Chúng ta phải can đảm hơn nữa, kiên nhẫn hơn nữa, và quyết tâm giữ vững hy vọng, nhất là khi ta thấy hòa bình đã ló dạng trên chân trời. Ta biết rằng khi hòa bình đến, nhân dân ta sẽ bớt được một gánh nặng đè trên tâm trí và thể xác họ, và thanh niên xứ này sẽ được bước vào một kỷ nguyên mới, trong đó họ có thể nghĩ đến những gì cao đẹp hơn là giận hờn, chém giết, đốt phá, và họ có thể đem nghị lực của họ dùng vào những công tác xây dựng hơn.

Tuy rằng sự thiếu thốn tài chính sẽ là một đám mây đen che bớt ánh nắng mặt trời của chúng ta, lúc này có lẽ là lúc mà chúng ta nên ngừng đầu ngược mắt, quên những mối ưu tư hiện tại để nhìn về tương lai, một tương lai mà ta hiện chỉ biết ít nhưng mà ta phải cố gắng hình dung và uốn nắn nhờ những điều mà ta biết được về hiện trạng thế giới. Tuy ta đã bị tách biệt thế giới vì lý do hay cơ này cơ nọ, nhờ sách báo, vô tuyến truyền hình và vô tuyến truyền thanh, ta cũng có thể thấy khung cảnh của nó khá rõ. Trong chúng ta có đôi người đã được may mắn nhìn thấy thế giới đó tận mắt. Cũng có đôi người được may mắn gặp những học giả chuyên nghiên cứu quá khứ và hiện tại để tiên đoán tương lai.

Khi ta tận dụng tất cả những gì mà ta đã được biết, và nhất là khi ta dựa trên những hiểu biết đó để cố ước đoán tương lai — tôi nói hiểu biết chứ không nói phỏng đoán hay bịa đặt — chúng ta không khỏi không nhận thấy một sự kiện rất rõ ràng: trong lúc ở Việt nam chúng ta đang

bận chém giết nhau và diệt phá gia tài đạo lý, trí thức, và vật chất mà bao thế hệ cha ông ta đã đổ biết bao mồ hôi, nước mắt và máu để tạo ra, trong khi đó, thế giới vẫn dần dần tiến bước. Thế giới đang dần bước tiến lên đó là một thế giới đang biến chuyển, và điều đáng chú ý hơn nữa là tốc độ biến chuyển càng ngày càng gia tăng, bất cứ trong lãnh vực nào, và nhất là trong lãnh vực khoa học và kỹ thuật — cơ sở của phát triển kinh tế và tiến bộ. Nhờ khoa học và kỹ thuật, người ta đã đẩy lui ranh giới hiểu biết về những vật hữu hình và vô hình, lui ra ngoài — vào không gian — và lui vào trong — sâu vào bản chất của vật, và vào ngay cả những khoảng huyền bí nhất của bộ óc con người. Sự phát triển kiến thức phi thường này đang đẩy nhân loại vào một kỷ nguyên mới.

Kỷ nguyên này là thành quả của một loạt cách mạng mà nhân loại đã mục kích: một cuộc cách mạng trí thức đập tan xiềng xích của thời Trung cổ và mở đường cho thời Phục hưng; một cuộc cách mạng khoa học ở thế kỷ XVII và XVIII đặt nền móng cho cuộc cách mạng kỹ nghệ ở thế kỷ XIX với tàu chạy bằng hơi, xe hỏa, và máy móc sản xuất đại qui mô phẩm vật canh nông và kỹ nghệ; và tiếp đến khoảng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, một đợt phát minh khoa học khác đã xảy ra và đưa đến sự xuất hiện của ô tô, máy điện, vô tuyến truyền tin, và những xưởng máy tối tân. Ngày nay chúng ta đang mục kích một đợt phát minh khoa học và kỹ thuật mà hiện chứng là máy bay phản lực, vô tuyến truyền hình, máy transistor, máy điện toán (computers), phi thuyền không gian, và nguyên tử lực. Chúng ta cũng đang bước vào một cuộc cách mạng về sinh vật học với triển vọng giải thoát con người khỏi ám ảnh của đói

khát nhờ khai thác năng lực sản xuất thực phẩm và các phẩm vật khác rất dồi dào của mặt đất và biển cả; cuộc cách mạng sinh vật này cũng có thể cho ta tạo một chủng loại người tốt hơn, hoặc một chủng loại người hoàn toàn mới.

Kỹ thuật mới đã cung cấp cho ta khí cụ để thăm dò không gian, chiều sâu trái đất, hay đáy biển. Con người nay có khả năng tạo phương tiện để sống trên không gian, dưới đáy biển, hoặc nhờ biến cải được các yếu tố di truyền (genes) hay nhờ ghép bộ phận cơ khí vào người (prosthesis) tạo tác được một loại người mới có tài năng mới, hoặc một loại nửa máy nửa người. Kỹ thuật mới nay cũng có khả năng giải thoát con người khỏi lo âu về đói, khát, nóng, lạnh, và ngay cả lao động; nói một cách khác, kỹ thuật ngày nay có thể tạo một xã hội phong phú, hay siêu phong phú, trong đó mỗi người có thể có đủ, hay dư dả tất cả gì mình có thể muốn hay ước mơ. Trong xã hội đó, khẩu hiệu Cộng sản: « sử dụng tùy nhu cầu, đóng góp tùy khả năng » sẽ thành vô nghĩa, vì thiếu thốn sẽ không còn là một mối lo và làm việc sẽ không còn là ác vận của con người nữa: người ta sẽ không phải làm việc cực nhọc lam lũ, mà chỉ cần suy nghĩ và bấm nút.

Ngày nay, tất cả những gì ta muốn đều có thể có được, vì kiến thức về phương thức tạo tác nó đã có sẵn, đang được thu thập, hay không sớm thì muộn sẽ được thu thập, và ai chịu khó thu thập kiến thức đó có thể dùng nó để thực hiện mục tiêu của mình, dù là mục tiêu tốt hay xấu. Trên khắp thế giới, ngày nay những người xuất sắc nhất đang tìm cách giảm bớt hậu quả tai hại của hiện tượng mà trong một tác phẩm trứ danh Alvin Toffler gọi là « kinh hoàng

về tương lai» (future shock) (1). Có tác giả khác, như Arthur Clarke, đã cố gắng giúp ta tưởng tượng được « hình dung của tương lai » (2). Một vài tác giả khác, như John McHale, đang bàn rất nghiêm trang về đề tài « tương lai của tương lai » (3). Cũng có tác giả, như Herman Kahn, đang dùng số phương trình, và những khái niệm lạ lùng, để tiên đoán hình dạng thế giới vào năm 2.000 (4). Ngày càng nhiều quốc gia thấy xuất hiện các hội nghiên cứu tương lai, hoặc tổ chức hội nghị quốc tế về tương lai, ở Mỹ châu, Âu châu, và ngay cả ở Á châu — ví dụ ở Đại hàn và Nhật bản — để trao đổi ý kiến về phương pháp đối phó hữu hiệu với làn sóng kiến thức và kỹ thuật càng ngày càng mạnh lớn.

Điều mà những người thông thái đó lo sợ nhất là không kiểm soát được những sự biến chuyển do cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật tạo ra, hoặc tai hại hơn nữa, không kịp thời thấy nó đến. Ta có thể hiểu dễ dàng tại sao những người học rộng và tinh khôn như họ sợ hãi đến mức đó nếu ta được biết về những phát minh kỹ thuật đã có, hoặc chắc chắn sẽ thành tựu trong một thời gian không lâu nữa:

— về điều động thời tiết: người ta có thể tạo ra mưa, bão, hạn, theo ý muốn;

(1) Alvin Toffler, *Future Shock*, New York, Random House, 1970.

(2) Arthur Clarke, *Profiles of the Future*, New York, Harper, 1965

(3) John Mc Hale, *The Future of the Future*, New York, George Brazilière, 1969.

(4) Herman Kahn and Anthony Weiner, *The Year 2000*, New York, Mc Millan, 1967.

— thức ăn nhân tạo (như bi tết), hình dáng, màu vị không khác gì thức ăn thiên nhiên;

— điện thoại thấy nhau (picture phone), vô tuyến truyền hình trực tiếp vào tư thất mỗi người từ bất cứ nước nào, nhờ satellites;

— làn ánh sáng cắt như dao (laser), làn ánh sáng làm tiêu tan những gì bị chiếu (disintegrating rays);

— máy điện toán (computers) có năng lực bằng óc con người, nhưng nhanh hơn, mà có thể xách tay vì chỉ lớn bằng một hộp đựng giấy;

— hỏa lực của mặt trời, được thu, để sử dụng trong nhà, thay điện và lửa;

— máy bay siêu thanh (scram jet) có thể bay 25 Mach một giờ (một Mach là 740 dặm, $740 \times 8/5 \times 25 = 29.000$ Cs/g).

— bom nguyên tử có sức 15 kilotones, có thể tiêu diệt hết mọi chất trên trái đất;

— tàu lặn có thể xuống sâu 8000 thước;

— ngân hàng tích trữ và cho thuê tài liệu (data bank);

— máy dò có thể cho ta từ xa vẽ họa đồ tất cả nguyên liệu trên trái đất rất nhanh chóng;

— thuốc trị não, có thể tạo cảm giác mình muốn: vui, buồn, giận hờn, hỷ xả, nóng nảy, bình tĩnh, tăng hay diệt trí nhớ;

— biến hóa sinh vật tùy ý muốn bằng cách xáo trộn các yếu tố di truyền (genes);

— ghép bộ phận cơ khí vào người (prosthesis);

— chế hệ thống tự túc cho người có thể sống biệt lập trên không gian hay dưới đáy biển (closed ecology);

— (và để anh em sinh viên có đề tài suy tư) cách mạng về thông tin, máy điện toán (computers) và điện tử (electronics) có thể cho ta «tạo tưởng một thế giới trong đó bất cứ ai, ở bất cứ nơi nào, cũng có thể sử dụng những thư viện lớn và sách báo tài liệu, videotape hay phim chứa những bài giảng về các môn đặc biệt, hoặc tài liệu về những biến chuyển quan trọng hiện nay hay đã qua, hoặc các vở kịch có tiếng, hoặc một cuộc mổ xẻ khó khăn trong một nhà thương lớn, hoặc một cuộc điều đình do những nhà ngoại giao tài giỏi phụ trách» (5). Chỉ cần bấm một nút nào đó của máy truyền hình tối tân là đủ!

Trên đây là một vài phát minh kỹ thuật sẽ ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của ta trong một tương lai không xa mấy. (Ba mươi năm nữa, những người lứa tuổi tôi may ra còn sống và thấy được những biến chuyển đó, nhưng đối với lứa tuổi các anh chị em thì nó sẽ là chuyện quá thường như sử dụng Cassette hay lái xe Honda ngày nay). Các chi tiết về những phát minh nói trên ở trong những tác phẩm mà tôi đề cập đến. Ngoài ra còn quyển *Toward the Year 2018* của Hội Nghiên cứu Ngoại giao Hoa kỳ gần mà rất

(5) American Policy Association, *Toward the Year 2018*, New York Cowles Education Corporation, 1968, tr — 76.

đầy đủ. Các anh chị em nên tìm đọc cho biết, vì có biết những phát minh kỹ thuật đó mới hiểu xã hội sau này sẽ ra sao, và khoa học xã hội phải làm gì. Đây là đề tài mà tôi sẽ nói đến ở đoạn tiếp.

II

Sự lo sợ cuộc cách mạng về kiến thức và kỹ thuật sẽ lôi cuốn xã hội trong khi xã hội chỉ bất lực ngồi nhìn một cách ngu muội xuất phát từ nhận định rằng những phát minh kỹ thuật có những hậu quả xã hội không tránh được và những tổ chức và cơ cấu xã hội hiện nay không đủ hiệu năng để cho ta khai thác, hoặc kiểm soát những biến chuyển kỹ thuật, hay những tổ chức và cơ cấu đó không đủ để đối phó với những biến chuyển kỹ thuật trong tương lai. Nói một cách khác, kỹ thuật và tổ chức xã hội, cũng như định chế xã hội càng ngày càng vô hiệu trong việc đối phó với tiến bộ kỹ thuật vì nó đã lỗi thời. Kỹ thuật xã hội không tiến đồng nhịp với kỹ thuật kỹ nghệ và vì sự bất đồng nhịp này, kỹ thuật kỹ nghệ rất có thể hạ phẩm giá hoặc hủy diệt con người thay vì đưa nhân loại lên một mức cao hơn.

Nghèo nàn, dốt nát, bất công, thiếu hiệu năng và thối nát mà ta thấy xung quanh ta là bằng chứng rõ rệt của sự lỗi thời của xã hội. Ai đã được thấy các thành phố New York và Chicago, Tokyo và Osaka, Dusseldorf và Essen chắc cũng kinh hoàng về mức ô uế của phong cảnh do người gây ra. Nhưng ta không cần phải đi xa như vậy mới thấy cảnh đó. Tất cả mọi người có mặt trong phòng này đều có thấy — và không thể không thấy — đống rác khổng lồ, con kinh



đen ngòm hôi hám, cùng các giầy nhà lụp sụp, chật chội, tối tăm sát vách Đại học Vạn Hạnh, khi họ đến đây mỗi ngày đều thấu nhận những tư tưởng cao thượng. Tất cả chúng ta ở đây đều hiểu rõ sự thô sơ nghèo nàn của các phòng học và văn phòng, hay biết rằng tòa nhà đang xây cho Phân Khoa Giáo Dục với mục đích cải tiến nền giáo dục xứ này không thể hoàn tất được vì thiếu tiền — ta chỉ cần mười lăm triệu đồng, nghĩa là 50.000 Mỹ kim — trong khi mỗi ngày 70 triệu Mỹ kim được chi dùng để biến thanh niên thành những thầy ma nát bét, nhà cửa thành những đồng tro tàn, và ruộng vườn thành đất hoang. Đó là ta chưa kể số tiền bên kia chi tiêu cũng vào mục đích đó. Số tiền này không dưới hai triệu Mỹ kim mỗi ngày, nghĩa là 730 triệu Mỹ kim mỗi năm. Về phía quan lại, không có ai trong chúng ta không biết cảnh bị uy hiếp, châu chực, sừng sộ, hay khinh miệt mỗi khi có việc phải tiếp xúc với họ.

Ở xứ này, cũng như ở khắp nơi trên thế giới — kể cả những nước kỹ nghệ tiên bộ nhất — tổ chức xã hội hiển nhiên lẻo đẹo đi sau khoa học và kỹ thuật. Và xuyên qua những tổ chức xã hội lỗi thời ta có thể nhận thấy những tư tưởng khái niệm và thái độ lỗi thời. Nhà học giả Mc Hale đã nói: « Những trở ngại và giới hạn ngăn không cho chúng ta khai thác triệt để tài nguyên và kiến thức của chúng ta không phải là những trở ngại và giới hạn vật chất. Đó là những cơ cấu kinh tế, tài chính, chính trị lỗi thời mà ta đã coi như linh thiêng trong quá khứ » (6). Như ông ta thấy rõ, tình trạng giữa thế kỷ XX có hai đặc điểm:

(6) McHale, *op, cit*, tr. 51

1) khả năng biến đổi tạo hóa của con người đã gia tăng một cách kinh khủng,

2) các khái niệm đề hường những khả năng đó và những phương thức xã hội đề đối phó với biến chuyển rất lạc hậu (7).

Ông McHale nhấn mạnh rằng «những chương ngại không cho ta khai thác những dịp tốt không nằm trong cách mạng kỹ thuật, mà trong khái niệm và thái độ xã hội có tác dụng giúp ta quyết định ta sẽ sử dụng những phương tiện kỹ thuật mới thế nào» (8).

Các tổ chức xã hội đã không giúp ta đối phó với phát minh kỹ thuật vì phần lớn tư tưởng, khái niệm thái độ xã hội làm căn bản cho tổ chức xã hội đang còn là tư tưởng khái niệm và thái độ thịnh hành ở thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Nó đang còn dựa trên khái niệm Con Người Kinh Tế (*homo economicus*) và Khoa Học Thuần Túy. Mà cũng vì các nước Âu tây đã đô hộ thế giới, những khái niệm đó đã lan tràn khắp nơi trên trái đất.

Như vậy có nghĩa là, ở Đông phương, chúng ta là nạn nhân của hai sự thất bại cùng một lúc: thất bại của Tây phương, và thất bại của chính chúng ta — vì rất nhiều tư tưởng và khái niệm xã hội của chúng ta đã lỗi thời rất lâu trước khi ta bị Tây phương đánh bại, và nó vẫn còn tồn tại vì chúng ta không chịu, hay

(7) Mc Hale op. cit tr. 61

(8) Mc Hale op. cit tr. 148

không thể, dứt bỏ nó. Những tư tưởng và khái niệm đó là Con Người Đạo Lý và Trật Tự.

Khái niệm Con Người Kinh Tế, và những khái niệm liên hệ mật thiết — Tự do cá nhân, Tự hữu bất khả xâm, Tự do hành động (*Laissez Faire*), Mạnh sống yếu chết (*Survival the Fittest*), Hiệu năng trên hết (*Supremacy of Efficiency*) — là khái niệm chủ chốt đã chi phối tư tưởng xã hội trong gần hai trăm năm qua. Nó đã làm nền móng cho các tổ chức và định chế xã hội đang còn tồn tại ngày nay. Khái niệm Con Người Kinh Tế được gia sức nhờ khái niệm Khoa Học Thuần Túy và các ý niệm phụ — kỹ thuật, duy lý, phương pháp khoa học, cơ giới hóa và hoàn tục hóa.

Hai khái niệm trên đã đem lại của cải tự do và quyền thế cho một thiểu số được đứng đầu nấc thang xã hội. Nhưng của cải, tự do, và quyền thế của thiểu số này xây trên sự thiệt thòi cho đa số ở các nước Âu Tây và thuộc địa của họ, và trên sự thiệt hại lớn lao xã hội: thiệt hại đó là sự phung phí tài nguyên một cách vô lý, ô uế phong cảnh, và nhất là bất công quá độ đưa đến sự cách biệt của đại chúng bị áp bức, bóc lột, và chà đạp — và đó là nguyên do chính của những tranh chấp trong lãnh vực quốc gia cũng như quốc tế.

Hơn nữa, quan niệm Khoa Học Thuần Túy, nghĩa là khoa học « không bàn đến giá trị » được những người tự coi là « chuyên nghiệp » hay « chuyên viên » áp dụng, không dính líu gì và không muốn dính líu gì đến những việc không liên quan trực tiếp đến công việc của họ,

nghĩa là những mục tiêu xã hội cao rộng, hay nói một cách khác, những gì xảy ra cho người khác, và quốc gia khác. Họ gạt bỏ tất cả những giá trị và mục tiêu ra ngoài đời sống, công việc, và tư tưởng họ. Họ không cảm nhận có trách nhiệm về hậu quả xã hội của những sự phát minh của họ, dù tốt hay xấu. Họ chỉ là « chuyên viên » làm công cho ai trả lương cho họ, hay « bác học » chỉ biết ham tìm sự thật — hay nói cho đúng hơn, sự thật khoa học. Với thái độ đó, họ vô tình hay cố ý giúp đỡ duy trì nguyên trạng (*status quo*) hoặc là tác giả của những phát minh có thể đe dọa sự sống còn của nhân loại. Thái độ đó đã tràn qua khoa học xã hội, như chốc nữa tôi sẽ nói đến. Nhưng trước khi bàn đến vấn đề đó, tôi muốn cứu xét sự thất bại của Đông Phương đã.

Nếu Tây phương đã thất bại vì họ để cho khái niệm kinh tế và cơ giới về con người và tạo hóa chi phối tư tưởng và tổ chức xã hội của họ — và về điểm này nước Nga Cộng sản cũng không khác gì các nước Âu tây khác —, nguyên do của sự thất bại của Đông phương là không chấp nhận có gì hơn sự cấu tạo và duy trì một xã hội đạo lý và trật tự. Trong xã hội này, *đạo lý* — ở cả ba cấp: Trời, Người, Vật — phải ngự trị tất cả, nắm trên hết, và ổn định phải được bảo vệ bằng cách buộc người ta phải tôn trọng một hệ thống trật tự xây trên chức phận được phân cấp bậc rất tỉ mỉ. Không có gì quan trọng hơn là giữ gìn *đạo*, và duy trì một trật tự xã hội ổn định căn cứ trên tài năng đo theo thành quả đạo lý và văn chương. Sự sản xuất tài sản vật chất — nhờ hoạt động kinh tế và thương mại — được đặt vào hàng thứ ba và thứ tư — sĩ, nông, công, thương —

của thang xã hội, và học lực chỉ giới hạn trong sự nghiên cứu *lý* của Trời, Người, và Vật (Thiên lý, Nhân lý, Vật lý) được quan niệm là *lý* của trật tự và điều hòa. Mọi vật, mọi sự đều hoàn hảo, nhất là trật tự xã hội đương tại, và không nên đổi thay, cải tiến gì cả: mục đích là tạo lên một xã hội *bất khả biến*.

Tất nhiên quan điểm nói trên không phải là quan điểm thật của Khổng Tử vì ông ta nhấn mạnh sự cần thiết của quan sát, phân tách — *cách vật, chí tri, thâm vấn, thận tư* —, thích ứng và biến đổi — *ôn cố tri tân, phản cổ thân tại* — như ai đọc kỹ *Đại Học* và *Trung Dung* cũng biết. Nhưng đám Hán Nho, và nhất là Tống Nho, đã bóp méo những điều Khổng Tử dạy, dùng nó để duy trì nguyên trạng (*status quo*) và ngăn cản mọi cố gắng cải tiến và đổi thay. Do đó, họ làm cho xã hội Khổng giáo mất uyển chuyển và mất sức phát triển (9). Tất nhiên xã hội đó cũng có huy hoàng và phong phú, nhưng huy hoàng và phong phú đó chỉ dành cho vua và quan. Cũng như các xã hội Tây phương đã trọng vọng khái niệm Con Người Kinh Tế và Khoa Học Thuần Túy, huy hoàng và phong phú của vua và quan buộc xã hội phải chịu thiệt hại lớn lao: Trung hoa, Đại hàn, Việt nam, trong cương vị quốc gia, phải trả giá rất đắt sự chấp nhận khái niệm Con Người Đạo Lý và Trật Tự lúc phải đối phó với sức mạnh của Tây phương vào thế kỷ XIX, một sức mạnh nhờ khoa học và kỹ thuật mà có. Trong bốn quốc gia theo Khổng giáo, chỉ có Nhật bản là thoát

(9) Xem Huỳnh Thúc Kháng, «Nho Học Cuối Triều Tự Đức Đến Nay» trong Phan Bội Châu, *Khổng Học Đăng*, Huế, Anh Minh, 1957, phụ chương.

khỏi số phận nói trên, vì giới trí thức của họ đã thông giải khái niệm *lý* một cách tài tình, bao gồm cả đạo lý (dòri) và khoa học (butsuri), và do đó, dưới Triều Minh Trị đã đặt nền móng cho một quốc gia Đông phương làm được một kỳ công là hưởng được những cái hay cái tốt của khoa học Tây phương lẫn đạo lý Đông phương (10).

Lỗi thông giải khái niệm Con Người Đạo Lý và Trật Tự của Tống Nho đã vô cùng tai hại cho Việt nam, đã bị ép buộc chấp nhận thông giải đó trong thời lệ thuộc nhà Minh (1414 — 1427) và sau đó được các nho gia Việt nam mù quáng đón nhận. Tai hại nhất là trong lãnh vực hành chánh và giáo dục. Quan niệm Khổng học của Tống Nho đã đưa đến sự thiết lập một quốc gia theo nguyên tắc chiều dọc (mà học giả Tây phương gọi là *scalar* hay *vertical integration*) — kết hợp chỉ chú trọng liên hệ người trên kẻ dưới — và tôn trọng một cách cứng rắn và sợ sệt hệ thống trật tự xã hội chính trị đương tại với luật lệ, chính sách của nó, dù những kẻ ngồi trên bất tài và thối nát, và dù luật lệ và chính sách có lỗi thời đến mức nào. Học theo quan niệm Tống Nho nói trên làm cho người ta không hợp tác với nhau được theo nguyên tắc kết hợp chiều ngang (*horizontal integration*), một nguyên tắc tối cần thiết trong một thế giới biến chuyển mau lẹ, trong đó ta cần phải chung vốn liếng kiến thức, chuyên môn, tài nguyên và nghị lực nếu ta muốn đi đến thành công. Đây là quan

(10) Xem Maurius Jansen, *Changing Japanese Attitudes Towards Modernisation*, Princeton, 1959 và Joseph R Levenson, *Liang Ch' i Ch' ao and the Mind of China*, Berkeley, 1969, và Tôn Thất Thiện *Tư Tưởng* số 2, 1970, số 4, 1970.

điểm của các chuyên viên trừ danh về khoa học tổ chức. (11) Quan niệm Tống Nho nói trên cũng tạo ra một xã hội mà nhà học giả hành chánh Fred Riggs gọi là xã hội « prismatic » (lăng kính), trong đó nhân viên nhà nước phản động, thối nát, vô hiệu năng trở thành một chính quyền biệt lập, ngăn cản mọi cố gắng cải tiến và cải tổ chỉ vì họ muốn bảo vệ quyền lợi của cá nhân, gia đình và bạn bè của họ, nhất là khi chính quyền chính trị đã suy sụp hay bất lực. Ai có đọc tác phẩm của giáo sư Fred Riggs *Administration in Developing Countries* mới hiểu rõ loại trừ chương ngại nói trên đã gắn liền vào xã hội chúng ta khó khăn ngăn nào. (12)

Trong lãnh vực giáo dục, hệ thống học của Tống Nho đã đào tạo một lớp người mà mối lo chính là làm sao có tài học thuộc lòng, viết chữ đẹp, văn chương hay, còn về khoa học và kỹ thuật thì đứng đưng không đề ý, sống nhờ ăn bám và coi sự ăn bám đó như một quyền tự nhiên và chính đáng. Hệ thống đó chỉ nhằm truyền những kiến thức lỗi thời, bóp chết mọi sáng kiến, óc cải tiến và tưởng tượng, và tinh thần đồng đội: luyện cho thế hệ này đến thế hệ khác ngoan ngoãn theo tập tục, theo đuổi những gì hào nháng bề ngoài, không thực

(11) Xem Peter F. Drucker, *Technology, Management, and Society*, New York, Harper, 1970; Fremont E. Kast, và James E. Rosenweig, *Organisation and Management: A Systems Approach*, University of Washington, 1970.

(12) Fred Riggs, *Administration in Developing Countries: The Theory of Prismatic Society*, Boston, Houghton and Mifflin, 1964.

quan trọng, hay hoàn toàn vô dụng. Thật ra, nó đào tạo hai loại người:

1) những kẻ không có ích gì cho xã hội, và 2) những kẻ cản đường tiến của xứ sở và dân tộc. Họ là những người chỉ ham danh vọng, chức tước, tiền bạc và quyền thế. Ta chỉ cần nhìn xã hội Việt nam ngày nay cũng đủ hiểu hệ thống giáo dục đó tai hại đến mức nào. Ngày nay, hệ thống học Tống Nho đó vẫn còn tồn tại. Thêm vào đó một ít dầu Tây, dấm Mỹ, và vi trùng amibes Việt nam là ta đủ có một món xà lách ăn vào thì khó mà lành mạnh. Không chết là may mắn lắm rồi.

III

Qua sự phân tách trên đây, ta thấy rõ ý nghĩa của các sự kiện đã đề cập đến: cố bám lấy những khái niệm, tư tưởng, thái độ và tổ chức xã hội lỗi thời không những vô ích, mà còn nguy hiểm. Ta rất cần xét lại các giá trị, sửa lại khái niệm, định lại hướng đi, và xây cất lại tổ chức và định chế xã hội để có thể giải quyết những vấn đề của xã hội đang trải qua những sự biến chuyển lớn lao, mau chóng, và càng ngày càng gia tăng của kỹ thuật. Chúng ta phải hình dung lại thế nào là một xã hội lý tưởng. Muốn vậy ta phải thấy rõ các vấn đề liên hệ đến biến chuyển; ta cần phải thấu hiểu khoa học và kỹ thuật, bản chất, ranh giới, và tiềm năng xây dựng hay phá hoại của nó; ta cần phải ý niệm rõ ràng thế là thiện ích xã hội; ta phải đổi mới xã hội để theo kịp đà thay đổi của kỹ thuật.

Cách đây bốn mươi năm, nhà triết gia Bertrand Russell đã nhấn mạnh rằng khoa học, quan niệm như một kỹ thuật, cho ta có thể, và có thể nói buộc ta phải, có những hình thức xã hội mới. Nhưng khoa học không giúp ta được trong việc này. Ông nói:

«Cho đến ngày nay, con người không thực hiện được những điều họ mong muốn vì không biết lấy phương tiện ở đâu. Nhưng khi họ đã tinh thông, họ có thể uốn nắn ngoại vật, xã hội và chính họ theo mẫu mà họ cho là tốt nhất. Nếu họ sáng suốt, khả năng mới này sẽ đem lại cho họ những điều lành; nếu họ ngu xuẩn, thì ngược lại họ sẽ bị hại. Như vậy có nghĩa muốn một nền văn minh khoa học thành một nền văn minh tốt, ngoài sự gia tăng kiến thức cần có thêm sự gia tăng sáng suốt. Theo tôi, sáng suốt là có một quan niệm đúng về đời sống. Mà quan niệm đúng này, khoa học không thể cung cấp cho ta được. Cho nên, sự gia tăng khoa học tự nó không đủ để bảo đảm tiến bộ thực sự, tuy nó cho là một trong những thức cần thiết mà tiến bộ đòi hỏi.» (13)

Ai có học khoa học xã hội cũng biết đến vấn đề liên hệ giữa giá trị và khoa học, nhất là trong lãnh vực khoa học xã hội. Câu hỏi: «Khoa học xã hội có nên gạt giá trị ra ngoài» như những khoa học khác hay không «đã gây tranh luận và chia rẽ trầm trọng các

(13) Bertrand RUSSELL, *The Scientific Outlook*, New York, Norton and Co, 1962 (xuất bản lần thứ nhất năm 1931), tr. 100

học giả xã hội trong quá khứ, và còn chia rẽ họ ngày nay, tuy ít trăm trọng hơn. Vấn đề này rất cũ, và cũng xuất hiện với khoa học xã hội. Ngày mà ông Auguste Comte bắt đầu chú ý đến xã hội học, ông ta tin rằng có thể tạo được một khoa học về xã hội có thể giúp học giả khám phá được những định luật chi phối xã hội, và cho họ khả năng chế ngự và uốn nắn xã hội này cũng như các nhà học giả vật học có thể chế ngự và uốn nắn ngoại cảnh vật chất bằng cách khám phá định luật về vật chất — một điều sau này được Karl Marx cũng tin và đẩy càng mạnh hơn nữa. Vì niềm tin trên nên Comte đặt tên khoa học mới là *physique sociale*. (Lý học Xã hội).

Ngày nay, ta đã đi xa lý học xã hội, được quan niệm như một khoa học thuần túy, chỉ sử dụng những khái niệm và phương pháp của khoa học vật chất. Càng ngày, càng nhiều học giả xã hội công nhận rằng các khoa học xã hội không thể *giống hệt* khoa học vật chất, và học giả xã hội không thể loại bỏ các giá trị và mục tiêu xã hội ra ngoài sự nghiên cứu suy tư của mình mà họ cũng không có thể quả quyết rằng tác phẩm của họ không «chứa đựng giá trị» trong đó. Con người khác vật chất ở chỗ nó có thể suy nghĩ và cảm xúc, và nó không ngừng suy nghĩ và cảm xúc, và phản ứng đối với ngoại giới theo chiều hướng gia tăng ưu thế tồn tại của mình với kiên thức mà nó thấu thập được. Ta không thể nghiên cứu con người, trong cương vị cá nhân hoặc đoàn thể, như ta nghiên cứu một mảnh kim khí hay một chất hóa học. Câu rảo đôn mà các học giả thường đưa ra — *rebus sic stantibus* (nếu những điều kiện khác không biến đổi) — không áp dụng vào con

người được, vì không khi nào con người y nguyên bất biến, và ngoại cảnh xã hội cũng không khi nào đứng yên bất động. Thật thế, như đã nói ở trên, ngoại cảnh biến đổi, và biến đổi rất nhanh chóng, và con người cũng biến đổi theo. Chỉ có một điều không thay đổi trong các việc liên hệ đến người và xã hội: đó là người và xã hội biến đổi luôn luôn. Cho nên, ta phải nhớ rằng con người biết học, và nhờ sự học đó, có thể cải thiện cá nhân mình cũng như ngoại cảnh xã hội, miễn là họ có tin tức đầy đủ, thích hợp, và đúng sự thực. Điều mà nay ta cần hơn lúc nào cả và hơn tất cả những gì khác là kiến thức kịp thời, đúng việc, và đầy đủ để ta có thể ước đoán và uốn nắn được tương lai bằng cách định hướng hiện tại với kinh nghiệm thu lượm được qua các lỗi lầm trong quá khứ.

Cung cấp loại kiến thức và tin tức này là nhiệm vụ của giáo dục. Và đó cũng là nhiệm vụ chính của học giả xã hội, là người phải giúp thu tập tin tức, tài liệu thích hợp, cứu xét đúng đắn và đề nghị khái niệm, tư tưởng, hình thức tổ chức xã hội mới để xã hội có thể đối phó hữu hiệu với những biến chuyển mau lẹ của kỹ thuật, nắm vững tình hình, và hướng xã hội về mục tiêu được lựa chọn thế nào cho xã hội có tối đa hy vọng tồn tại, đạt tự do và tiến bộ. Để làm trọn nhiệm vụ này, nhà học giả xã hội cần biết rõ những vấn đề đã nêu ra ở trên, không những về hiện tại, mà cả quá khứ và tương lai.

Học giả xã hội, cũng như nhà giáo dục, và tất cả những ai có trách nhiệm lãnh đạo và hướng dẫn xã

hội, ít nhất cũng phải biết một cách đại cương về những sự phát minh mới nhất, không những chỉ trong lãnh vực khoa học xã hội, mà cả trong lãnh vực khoa học — thuần túy lẫn áp dụng — nói chung. Nghĩa là, học giả xã hội không vạch ranh giới nào hay không đi theo một đường hướng duy nhất, mà phải sẵn sàng chấp nhận những gì mới lạ. Khẩu hiệu của ông ta phải là: *homosum: humani nihil a me alienum puto*. (tôi là người, mà không có gì liên hệ đến con người mà tôi không biết đến). Những sự biến chuyển mà ông ta cần biết đã được đề cập đến ở đoạn trên. Nhưng những điều đó liên quan đến hiện tại và tương lai. Người học giả còn phải đặc biệt nghiên cứu sâu rộng về quá khứ.

Học giả xã hội McHaLe đã nói rằng muốn thay đổi tương lai ta phải thay đổi quan niệm về quá khứ. Và đoạn sau này có một tầm quan trọng đặc biệt, nên tuy nó dài, tôi sẽ trích nguyên văn. Ông nói:

« Mọi sự tìm kiếm nghiên cứu đứng đắn về quá khứ cần dựa trên sự hiểu biết chặt chẽ về quá khứ, quan điểm hiện tại. Thay vì theo phương pháp sử ký cổ truyền, ta cần xét lại quá khứ quan niệm nó như một loại thí nghiệm xã hội và văn hóa được thực hành trong những điều kiện nhiều hay ít chặt chẽ, trong những khung cảnh khác nhau, và không được ghi chép đầy đủ. Những ghi chép này là tài liệu về thí nghiệm giúp ta định hướng tương lai. Theo truyền thống, giá trị của quá khứ là tạo ổn định và liên tục đến ngày nay, nhưng nó sẽ hữu ích cho nhu cầu hiện tại hơn nếu ta biết nhìn nó với

con mắt phê phán và nhận ra được trong quá khứ những thái độ và hành vi có thể nguy hại hoặc cản trở những gì ta có thể thực hiện được trong tương lai. Ta cần phải đoạn tuyệt với quá khứ để xây dựng tương lai, nhưng ta cũng phải xét kỹ những thành quả và chương ngại trong quá khứ qua điều kiện đã đổi thay của hiện tại để lựa chọn trong một lãnh vực rộng lớn hơn.

« Hơn nữa, ta có thể nói rằng sự xét lại và cân nhắc lại quá khứ còn cần thiết gấp rút hơn là chuẩn bị tạo thêm tương lai mới. Điều này rất đúng trong lãnh vực lý thuyết xã hội và chính trị, vì các lý thuyết này là căn bản và khởi điểm của mọi tương lai xã hội. Tuy vậy, ta thấy rõ rằng rất nhiều căn bản lý thuyết này đã được đưa ra trong thời tiền kỹ nghệ hay áp lực của căng thẳng do thời kỳ chuyển tiếp gây ra. » (14)

Trên đây, ta đã nhận ra một số khái niệm xã hội Tây phương và Đông phương đã có ảnh hưởng tai hại trong quá khứ, và đang làm đình trệ tiến bộ trong hiện tại. Để cho đầy đủ, ta nên nói thêm rằng những cái được gọi là ý thức hệ mới và cấp tiến không có gì mới, cấp tiến hoặc lành mạnh cả. Thật ra nó đã lỗi thời rồi. Ý thức hệ rõ ràng nhất là thuyết Mác xít, biểu theo quan điểm của Cộng sản — đặc biệt là Cộng sản Trung hoa và Việt nam — ngày nay. Như học giả xã hội Wright Mills đã nhấn mạnh, thuyết tự do và thuyết xã hội, hai thuyết được đưa ra để giải thích thế giới và con người, đều đã sụp đổ. Ông viết :

(14) McHale, *op,cit*, tr. 30

«Thuyết tự do (liberalism) đặt nặng tự do và lý trí, cho hai điều đó là những sự kiện tối trọng về cá nhân; thuyết Mác xít cho hai điều đó là sự kiện tối trọng về vai trò con người trong tạo tác lịch sử chính trị... Nhưng theo ý tôi, những sự xảy ra trên thế giới cho ta thấy rõ tại sao hai ý niệm tự do và lý trí này thường có vẻ mập mờ trong xã hội tự do cũng như trong xã hội cộng sản đương thời, tại sao thuyết Mác xít đã trở thành một lối lập luận ràm tai chỉ nhằm bảo vệ một lớp công chức tri não hẹp hòi và giúp họ lậm đung; và thuyết tự do đã trở thành một phương thức tâm thường và hết thích hợp để che đậy thực trạng xã hội. Những biến chuyển lớn của thời đại chúng ta không thể hiểu qua sự thông giải về chính trị và văn hóa của thuyết tự do hay thuyết Mác xít. Hai thuyết này xuất phát để giúp ta suy tư về những mẫu xã hội ngày nay không còn nữa. John Stuart Mill không hề phân tích các hệ thống kinh tế đã xuất hiện trong thế giới tư bản. Karl Marx không hề phân tích các loại xã hội đã xuất hiện trong khối cộng sản. Và cả John Stuart Mill lẫn Karl Marx đều không hề nghĩ đến các vấn đề của những nước kém mở mang, là nơi mà bảy phần mười nhân loại đang sinh sống một cách chật vật. Ngày nay, ta đứng trước hai loại tổ chức xã hội, và đứng về quan điểm của «lý tưởng mới» ta không thể dùng thuyết tự do hay thuyết xã hội truyền lại cho ta đó để phân tách» (15).

(15) Wright MILLS, *The Sociological Imagination*, Oxford, Oxford University Press, 1969 (in lần thứ nhất vào năm 1959), tr. 167





Vi thuyết tự do và thuyết Mác xít là hai ý thức hệ được người Mỹ, người Nga, người Tàu và nhiều người khác đã biến xứ Việt nam thành một bể khổ hay bể máu, học giả xã hội Việt nam — mà không phải chỉ học giả Việt nam mà tất cả người Việt nam khác lo âu cho xứ sở — cần đề thi giờ nghiên cứu kỹ lưỡng hai ý thức hệ đó, và hiểu rõ, trong cương vị khái niệm, tư tưởng, khẩu hiệu, tổ chức xã hội, hai thuyết tự do và Mác xít có thể đóng góp gì vào sự tiến bộ của đất nước và dân chúng này.

Phần khác, học giả xã hội Việt nam cũng phải chú ý đặc biệt đến lịch sử xã hội và tư tưởng Việt nam, nhất là trong giai đoạn tiếp xúc với Tây phương, nghĩa là từ đời Hậu Lê trở đi.

Tôi nghĩ rằng nhờ nghiên cứu giai đoạn này mà ta có thể so sánh một cách thích hợp, có kết quả, và rất hữu ích thời đo với thế giới hiện tại. Họ sẽ thấy rõ rằng tư tưởng và khái niệm đã thay đổi rất ít, và tư tưởng và khái niệm được đưa ra cách đây ba trăm năm hay hơn nữa đang còn cản đường tiến của dân tộc ta ngày nay; họ sẽ thấy rằng rất nhiều nhà trí thức Việt nam ngày nay vẫn còn phản ứng giống những nhà trí thức quan lại dưới triều Tự Đức, rằng tình trạng chính trị ngày nay không khác gì tình trạng chính trị thời chúa Trịnh, rằng thái độ quân sự ngày nay không khác gì thái độ quân sự dưới triều Minh Mạng. Nếu học giả xã hội nghiên cứu tư tưởng Phan Chu Trinh, họ sẽ bị xúc động mạnh, như tôi đã xúc động, thấy rằng những nhận định của cụ Phan Chu Trinh về tình trạng đạo lý, tư tưởng, và chính trị thời cụ Phan Chu Trinh tả hậu quả của một



nền giáo dục và chính trị đã tạo ra thể hệ cụ, và đang được tiếp tục ở thể hệ cụ (16). Dưới trời Việt không có gì mới lạ!

Nhưng, trong tư thế một học giả xã hội, chúng ta phải có cái gì khác hơn là một quan niệm lịch sử bao quát. Ta phải có thêm một tinh thần trách nhiệm xã hội mạnh mẽ. Như tôi đã nói ở trên, có một phái học giả xã hội học muốn loại giá trị và mục tiêu xã hội ra khỏi xã hội học, và quan niệm rằng nhiệm vụ chính của nhà học giả xã hội là nghiên cứu sự kiện « như nó đã xảy ra ». Nhưng trong các sự việc xã hội, sự kiện như nó đã xảy ra có như vậy vì, một lúc nào đó, có những người muốn làm cho nó khác trước. Ông Gunnar Myrdal, người đã suốt đời nghiên cứu về các vấn đề xã hội, và là một trong những học giả được kính nể nhất hiện nay, đã bình luận về vấn đề này như sau: « Không có cách nghiên cứu thực trạng xã hội nào khác là đứng về quan điểm của lý tưởng của con người. » « Khoa học xã hội vô tư » không khi nào có, và, theo đúng lý, không thể có được. Màu sắc giá trị của những khái niệm căn bản của chúng ta phản ánh sự lưu tâm của ta về vấn đề nghiên cứu, định hướng cho tư tưởng, và định mức quan trọng của kết luận của chúng ta. Có giá trị ta mới đặt câu hỏi đúng và tìm được giải đáp đúng » (17). Ông nói thêm rằng tất cả các khoa học xã hội đều được ý muốn cải tổ xã hội của ta đẩy tới nhiều hơn là óc tò mò suông về sinh hoạt xã hội. « Chính sách xã

(16) Xem « Phan Chu Trinh » trong *Tư Tưởng*, tháng 6, 1969, *Vạn Hạnh Bulletin*, March-April 1970.

(17) Gunnar MYRDAL, *Value in Social Theory*, London, Ronthledge and Kegan Paul, 1958, tr 1 và 9.



hội là động lực chính, lý thuyết xã hội là động lực phụ» (18). Trong tác phẩm *Social Science and Social Purpose*, giáo sư T.S. Simey có quan điểm tương tự khi ông ta viết:

« Nếu ta nhìn sự vật với con mắt của một triết gia ... ta không thể chối từ nhìn thẳng vào sự kiện; con người không thể « không có ý kiến », dù là có khoa học hay không; ta phải chấp nhận cần thiết chia sẻ những nguyên lý của người thường khi cố gắng sắp xếp thế giới quanh họ theo một hệ thống trí thức nào đó.

Vì vậy ta có thể nói rằng những người hoạch định chính sách và những nhà cai trị sẽ làm việc hữu hiệu hơn nếu họ sử dụng sự sáng suốt của thế giới nói chung và những tin tức và kiến thức mà học giả xã hội thu tập được» (19).

Về điểm này giáo sư Simey đồng ý với giáo sư Ropert Merton rằng học giả xã hội phải ấn định mục tiêu và giai đoạn xã hội có thể đạt được. Nghĩa là « đem giá trị mới vào tình trạng xã hội mới » và « không thể có khoa học xã hội nếu không có giá trị xã hội ».

Vậy, học giả xã hội phải có óc xã hội và lý tưởng xã hội, vì ngoài vấn đề phương pháp, họ còn phải hiểu rằng có nhiều vấn đề cá nhân không thể giải quyết được nếu chỉ coi nó là vấn đề cá nhân mà chỉ có thể giải

(18) T.S. SIMEY, *Social Value and Social Purpose*, London, Constable, 1968, tr 177.

(19) MILLS, *op, cit*, tr. 226

quyết được bằng cách cải tổ xã hội. Đó là điều mà Wright Mills gọi là mối tương quan giữa cá nhân sử, lịch sử, và xã hội. Ông nói rằng nhiều vấn đề cá nhân « không thể giải quyết được như vấn đề cá nhân, mà phải xét dưới khía cạnh xã hội — và được coi như là một phần của tạo tác lịch sử... các vấn đề của khoa học xã hội, nếu trình bày cho đúng, phải gồm có vấn đề cá nhân và xã hội, cả cá nhân sử lẫn lịch sử, và tất cả mối liên hệ phức tạp của nó.

Có dựa trên giá trị và mục tiêu xã hội, học giả xã hội mới dùng trí tưởng tượng của mình để tạo ra tư tưởng và khái niệm mới, và hình dung được những hình thức tổ chức xã hội mới để khai thác tận cùng những phát minh kỹ thuật mới. Nhưng trước khi ông ta sử dụng trí tưởng tượng của mình theo chiều hướng đó, ông ta phải có kiến thức, kiến thức của mình cũng như kiến thức của nhiều người khác. Nhưng không hẳn kiến thức đã có sẵn cho ông ta sử dụng vì hệ thống giáo dục của xã hội ông ta không được tổ chức để tạo loại kiến thức mà ông ta cần đến. Như thế nghĩa là sự tạo tác kiến thức là một mối ưu tư của học giả xã hội. Và tạo tác kiến thức là một trong những nhiệm vụ chính của giáo dục.

IV

Theo những sách dạy kinh tế học cách đây năm mươi năm, phát triển kinh tế là thành quả của sự phối hợp ba yếu tố sản xuất: đất đai, lao công, và tư bản. Sách dạy kinh tế cách đây hai mươi năm nhấn mạnh quản trị và cho đó là yếu



tổ sản xuất quan trọng nhất. Ngày nay, yếu tố quan trọng nhất về phát triển kinh tế cũng như về phát triển kỹ thuật, và của nhiều lãnh vực khác nữa, là kiến thức. Những chuyên viên về quản trị cũng như học giả xã hội đều đồng ý về điểm đó. Theo Drucker, một chuyên viên có tiếng về quản trị, «Tài nguyên căn bản, đầu tư căn bản, cũng như trong tâm của một nền kinh tế phát triển, là người chuyên viên kiến thức (knowledge worker), áp dụng những gì mà ông ta đã học được nhờ một sự giáo dục có qui củ, nghĩa là khái niệm, tư tưởng, lý thuyết, chứ không phải là người thợ dùng tay hoặc sức lực» (20). Ông McHale, một học giả xã hội nói «Sự gia tăng kiến thức, dựa trên tài nguyên nhân lực, đưa vào nhiều hình thức hoạt động vật chất hoặc xã hội, là nguồn sản xuất của cái ngày nay» hoặc: «Tài nguyên quan trọng nhất của ta ngày nay là kiến thức, nghĩa là những người được huấn luyện, những điều kiện giúp cho họ có một nếp sống toàn vẹn những phương tiện cho họ có thể tiếp tục phát triển kiến thức». (21)

Sự phát triển khoa học và kỹ thuật nhờ sự gia tăng kiến thức lại trực tiếp giúp vào sự tạo tác thêm kiến thức. Tốc độ gia tăng càng ngày càng cao. Những ai nói đến sự «bùng phát kiến thức» là nói đúng. Càng ngày người ta càng công nhận rằng một xã hội có thể tiến mau chóng hơn nếu xã hội đó dùng một phần lớn tài nguyên vào sự tìm tòi và phát triển. Hoa kỳ và Nga sô là hai trường hợp điển hình nhất về phương diện này. Một khía cạnh quan trọng khác về kiến thức là nó

(20) DRUCKER, *op, cit*, tr. 37

(21) McHALE, *op, cit*, tr. 231 và 278

có tính cách lũy tiến và không biên giới : kẻ đến sau được lợi hơn trong sự khai thác những phát minh mới nhất — nếu họ có tổ chức để đạt mục đích đó. Sự tái thiết phi thường của Đức và Nhật bản, đã cho họ lọt vào hàng đầu của các quốc gia của thế giới sau Thế giới chiến II, là những ví dụ rõ ràng. Nguyên do của sự lạ đó là họ đã áp dụng những phát minh mới nhất về khoa học và kỹ thuật vào phát triển kinh tế, và sự kiện đó đã được gọi là « Skip-hop-and-jump development » (Phát triển theo lối đi tắt, vọt và nhảy). Một quốc gia không có kiến thức thích hợp và tân tiến nhất, và không chấp nhận một tổ chức xã hội cho công dân khả năng thu tập truyền và tạo tác kiến thức là một quốc gia phải chịu số phận đứng sau, nghèo nàn, bị đô hộ, diệt vong hoặc đóng vai trò một viện bảo tàng nhân chủng.

Nhưng muốn hữu ích, kiến thức cần được phổ biến. Muốn vậy, cần phải có một hệ thống thích hợp, nghĩa là một hệ thống giáo dục đào tạo những người trí óc lanh lẹ, và biết đáp ứng các biến chuyển của ngoại cảnh một cách mau lẹ. Như vậy, hệ thống giáo dục đó phải cởi mở, chớ không phải bế quan tỏa cảng, bịt mắt, bịt miệng đã được áp dụng với hậu quả tai hại trong quá khứ, và đang còn được áp dụng ngày nay, nhất là đối với đại đa số không của cải, quyền thế, hoặc không chịu a tòng hay khuất phục. Một hệ thống giáo dục thích hợp phải nhằm phát triển tột độ tinh thần phê phán và trí tưởng tượng, óc sáng tạo và cải tiến, ý thức về biến chuyển và sẵn sàng chấp nhận đổi thay, óc tò

mò ham hiểu ham biết, muốn học và học đến nơi đến chốn.

Nhưng truyền kiến thức và tạo tác kiến thức chỉ là hai trong những nhiệm vụ của giáo dục. Muốn cho toàn diện, giáo dục phải phát huy những đức tính đạo lý và công dân cần thiết cho mọi xã hội muốn vững mạnh và lâu dài. Đặc biệt là cần phải dạy những đức tính lương thiện và thành thực về phương diện đạo lý cũng như trí thức, chịu làm việc và kỷ luật, ý thức xã hội, quốc gia và quốc tế, và chịu hợp tác với kẻ khác để thực hiện những công cuộc chung lợi ích cho xã hội, nghĩa là kết hợp chiều ngang.

Có một một cấp thứ ba mà một hệ thống giáo dục tốt cần phải chú ý nữa ; đó là cấp siêu việt. Jesus có nói : con người không chỉ sống nhờ cơm, Khổng tử qua thuyết *nhân nghĩa thành tin*, và Đức Phật, qua thuyết *diệt dục, từ bi*, đều nhấn mạnh điểm đó. Giữa con đường cổ truyền Tây phương đặt nặng khoa học, và con đường cổ truyền Đông phương đặt nặng đạo lý, còn một con đường thứ ba. kết hợp khoa học đúng mức và đạo lý đúng mức với siêu việt, trong sự đi tìm sung mãn, hạnh phúc, và chân lý. Đó là quan niệm *sĩ*. Theo nghĩa nguyên thủy, *sĩ* là một người thông thạo về những gì liên hệ đến cả ba lãnh vực — Thiên, Địa, Nhân — Trời, Đất và Người —. Một quan niệm hẹp hòi về khoa học sẽ làm cho ta lẫn lộn cứu cánh và phương tiện. Một quan niệm hẹp hòi về đạo lý sẽ làm cho ta gạt bỏ những điều kiện vật chất cần thiết cho hạnh phúc con người. Chúng ta cần có khoa học lẫn đạo lý, nghiên cứu *lý* của Người, *lý* của Vật, và *lý* của Trời.

Cuối cùng, ta cũng nên nói thêm rằng một hệ thống giáo dục thích hợp phải nhằm đào tạo chuyên viên tốt và công dân tốt *cho tương lai*, không phải để giải quyết những vấn đề hai mươi năm về trước, nhưng để giải quyết những vấn đề hai mươi năm sắp tới. Vì vậy, mối lo của ta phải nhằm vào những người trẻ. Về phương diện giáo dục, những người trên ba mươi tuổi quá già rồi. Ta khó mà thay đổi được họ, vì họ đã được uốn nắn bởi một nền giáo dục mà, như đã nói trên, đặc sắc là phi lý và tai hại — vì nó chỉ phát huy tinh thần tự kiêu tự mãn, và những thói quen phản xã hội tệ hại nhất. Nói đến giáo dục là nghĩ đến những người dưới hai mươi tuổi, và đặc biệt là đến những kẻ bắt đầu học tập trong gia đình hay ở trường.

Nói lắm, thì ta có thể gồm những người bắt đầu vào đại học. Nhưng, thật ra, đối với nhóm này việc đã trễ rồi: những sinh viên đại học ưu tú là những người đã được huấn luyện đúng mức ở cấp tiểu học và trung học. Đại học có thể tạo họ thành những chuyên viên giỏi — mà ngay cả điều này cũng không chắc — chớ đại học không thể biến họ thành công dân tốt và người tốt.

Trong sự giáo dục con em ta phải chuẩn bị cho nó vào đời trong ba mươi năm nữa, lúc mà nó trưởng thành và bước chân vào một thế giới khác hẳn thế giới ngày nay, một thế giới mà những người đã ra khỏi trường đại học và cao đẳng cách đây ba mươi năm sẽ không thể nhận dạng được nếu họ không biết lo và dè cho trí óc mình bị tê liệt. Ta sẽ là người có tội nếu ta dạy con em và nhét vào óc nó hàng ngàn sự kiện và giá trị hoàn toàn lỗi thời — nghĩa là vô dụng — khi nó trưởng thành trong hai ba mươi năm nữa. Thay vì dạy nó sự kiện và giải pháp, chúng

ta phải nỗ lực dạy nó phương pháp học hỏi suy tư, luyện cho nó biết cách sử dụng khái niệm và tư tưởng, và những khí cụ để học (nghĩa là phương pháp phân tích, toán, và sinh ngữ) chúng ta phải dạy nó dùng trí tưởng tượng một cách sáng tạo để nó có thể đối phó với những biến chuyển mau lẹ của ngoại giới, đem lại lợi ích cho nó và cho xã hội. Chúng ta phải dạy nó biết phân tích quá khứ, đoán trước tương lai, giải quyết những vấn đề mới bất ngờ, thay vì nhồi vào đầu óc nó những giải pháp dùng để giải quyết những vấn đề sẽ không còn hay hết quan trọng khi nó lớn lên. Chúng ta không thể không đồng ý với Khổng Tử khi ông nói: « tử tứ tuyệt: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã » nghĩa là ta có bốn tuyệt đối: không có tiên kiến, không độc đoán, không có định kiến và không chủ quan. Chỉ như vậy ta mới mở rộng đường tiến về tương lai. Giáo dục là một điều huy hiem. Như John Millet nói:

« Giáo dục là một việc nguy hiểm, vì giáo dục là chấp nhận đổi thay. Nó sẽ biến đổi cá nhân vì nó gia tăng kiến thức và phát triển khả năng lý luận của họ, ngoài ra, người được giáo dục có thể trở thành người giúp vào công cuộc đổi thay.....

« Giáo dục cấp đại học là một điều huy hiem, vì nó luôn luôn đưa đến những sự xáo trộn hệ thống quyền thế trong xã hội, mà vì nó mà cá nhân và định chế trong xã hội có thể chấp nhận tư tưởng mới và thái độ mới. Sự thật mà giáo dục cấp đại học truyền lại và phát triển không khi nào có tính cách vĩnh viễn, mà chỉ tạm thời » (22). Nói

(22) xem chú thích trang 64

rằng giáo dục nguy hiểm là một điều đúng, nhưng điều đó chỉ đúng cho những người quay lưng cho tương lai, và cản đường tiến về tương lai của cả một dân tộc, vì họ thiếu kiến thức hay vì họ hiểu quyền lợi của họ một cách hẹp hòi. Ngoài ra, giáo dục không nguy hiểm gì cả. Trái lại: *không* giáo dục nghĩa là giáo dục bừa bãi và lỗi thời mới nguy hiểm.

Thiết lập một hệ thống giáo dục lành mạnh và hướng về tương lai để bảo đảm sự tồn tại và tiến bộ của xứ sở và dân tộc là trách nhiệm của toàn thể xã hội Việt nam, chứ không trách nhiệm riêng gì của nhà trường, đại học, Bộ Giáo dục, hay Chính phủ. Nhưng Bộ Giáo dục và Chính phủ mang trách nhiệm chính trong việc này vì họ kiểm soát sự phân phối tài nguyên cho đại học và các nhà giáo dục để cải tiến các phương tiện giáo dục và cho thanh thiếu niên Việt nam được hưởng một nền giáo dục tốt đẹp hơn là nền giáo dục hiện tại. Người ta nói rằng tương lai Việt nam tùy thuộc thanh thiếu niên Việt nam. Điều đó đúng, nhưng chỉ đúng nếu họ được giáo dục đúng đắn. Nếu không, họ chỉ được huấn luyện để làm suy yếu hủy hoại xứ này, như đa số đàn anh họ thuộc thế hệ hiện tại đang làm. Đó sẽ là một tội lớn. Giáo dục là chuẩn bị thanh thiếu niên về tương lai, và vì vậy, tương lai Việt nam tùy thuộc giáo dục. Ai phủ nhận điều này phải chứng minh là họ có lý.

TÔN THẤT THIỆN

- (22) John D. MILLET, trong *The Academic Community: An Essay on Organisation*, New York, McGrawhill, 1962, trích trong TASK và ROSENWEIG, *op, cit*, tr. 560.



GIỚI THIỆU SỰ ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN ĐĂNG THỰC VÀO CÔNG CUỘC GIÁO DỤC *

Kính thưa Quý vị.

Chúng tôi xin hân hạnh thay mặt Hội đồng Viện Đại Học VẠN HẠNH long trọng giới thiệu công nghiệp của Giáo sư NGUYỄN ĐĂNG THỰC đã đóng góp vào việc xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục nước nhà.

Giáo sư NGUYỄN ĐĂNG THỰC sinh năm 1907, tại quê quán là Gia lâm, phủ Thuận thành, tỉnh Bắc ninh.

— Ấu thời theo học cấp Tiểu học tại các trường làng, lên cấp Trung học thi đậu vào Trường Albert Sarraut, Hà nội.

— Năm 1927 du học tại Pháp, Bỉ, Thụy sĩ. Vào học Kỹ nghệ và Khoa học tại Ecole Nationale des Arts, tỉnh Roubaix, miền bắc nước Pháp và rồi qua Đại học LILLE.

* Lời giới thiệu Giáo sư Nguyễn Đăng Thực, Khoa Trưởng Danh dự Phân khoa Văn Học và Khoa Học Nhân Văn Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Trong thời gian này, nhiều biến cố chính trị quan trọng đã xảy ra tại quốc nội, kích động lòng ái quốc của Giáo sư nên Giáo sư muốn tập tễnh theo vào con đường chính trị, hầu mong đem sức trai tráng đóng góp vào công cuộc đấu tranh của dân tộc. Do đó Giáo sư đã hăng hái gia nhập đảng Xã hội Pháp (SFIO). Đây là dịp để Giáo sư tập suy tưởng mà ứng dụng vào hành động.

— Năm 1934, tốt nghiệp Kỹ sư, trở về nước. Chính quyền đô hộ đương thời đã chú ý và theo dõi người thanh niên lớp mới Nguyễn Đăng Thục, và đã gây nhiều khó khăn trong việc Giáo sư đi tìm công ăn việc làm.

— Năm 1935, cùng với một số bạn thanh niên tân học như Bùi Ngọc Ái, Vũ Đình Di, xuất bản tạp chí L'AVENIR DE LA JEUNESSE ở Hà nội. Năm 1937, làm bình bút cho tạp chí LE TRAVAIL.

— Năm 1939, trở về lãnh vực kỹ nghệ chuyên môn, làm kỹ sư chơ nhà máy TƠ Nam định (S.F.A.T). Trong thời kỳ này Giáo sư có cơ hội trực tiếp thường xuyên với khối thợ thuyền lao động nên đã bắt đầu nhận thức tinh thần nhân công Việt nam trong sinh hoạt xã hội nó khác với tập thể lao động Âu Tây. Từ đó Giáo sư chủ trương phải trở về nguồn, đi tìm nghiên cứu văn hóa Đông phương. Và chính triết học Đông phương đã khai sáng cho Giáo sư một hướng đi mới. Giáo sư bắt đầu viết cuốn « ĐẠO HỌC VÀ KHOA HỌC »

— Năm 1944 xuất bản tạp chí DUY NHẤT ở Nam định với chủ trương dung hòa văn hóa Đông, Tây.



— Đầu năm 1945, ngột ngạt với không khí thực dân bóc lột trong Nhà máy Tơ Nam định, Giáo sư đã từ bỏ đây mà ra mở nhà máy riêng tại Thụy Khê, Hà nội.

Ở Hà nội lúc bấy giờ các cao trào vận động văn hóa dân tộc, chính trị quốc gia đang lên, Giáo sư cộng tác với một số tạp chí văn hóa và được giới chính trị, lao động chú ý. Năm 1946 được mời làm kỹ sư cho Công binh xưởng Liên khu 3.

— Năm 1948, dứt khoát lập trường chính trị dân tộc, Giáo sư quyết định trở về Hà nội. Được chính quyền đương thời mời làm Giám đốc Học vụ cho Trường DÂN HUẤN VỤ và giảng viên về lý thuyết quốc gia kinh tế xã hội cho Trường này.

— Năm 1950, Một trường Đại học Việt nam đầu tiên được thành lập tại Hà nội với Phân khoa duy nhất là ĐẠI HỌC VĂN KHOA, Giáo sư được mời diễn giảng môn Triết học Đông phương.

— Năm 1953, khi cụ Khoa trưởng Ngô Thục Địch từ trần, Bộ Quốc gia giáo dục cử giáo sư đảm nhiệm chức vụ Khoa trưởng Đại học Văn khoa Hà nội.

Lúc này Giáo sư cũng là sáng lập viên VĂN HÓA HIỆP HỘI, nên được bầu làm Phó Chủ tịch của Hội và được Hội ủy nhiệm làm chủ bút tạp chí VĂN HÓA TÙNG BIÊN, là cơ quan văn hóa của Hội.

— Năm 1954, trong biến cố lịch sử đau thương của dân tộc, giáo sư chọn con đường tự do và theo một triệu

đồng báo cùng Đại học Văn khoa Hà nội đi về miền Nam nước ta.

Giáo sư tiếp tục giảng dạy môn triết học Đông phương tại Đại học Văn khoa mà bây giờ đã sáp nhập vào Viện Đại học Sài gòn.

Ngoài ra Giáo sư còn giữ chức vụ Chủ sự Nha Văn hóa, lập quán VĂN NGHỆ

làm chủ nhiệm kiêm chủ bút VĂN NGHỆ TẬP SAN.

— 1956, được cử vào phái đoàn đại diện Việt nam Cộng hòa tham dự Hội nghị CÁC NHÀ VĂN TỰ DO Á CHÂU, họp tại TÂN ĐỀ LI (NEW-DELHI), giáo sư thuyết trình «NGHỆ THUẬT CHÙA MỘT CỘT».

— 1957, qua Paris xúc tiếp với PHONG TRAO VĂN HÓA TỰ DO.

— 1958, sáng lập và làm Chủ tịch HỘI VIỆT NAM NGHIÊN CỨU VÀ LIÊN LẠC VĂN HÓA Á CHÂU, đồng thời đứng làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút tập san VĂN HÓA Á CHÂU.

— 1958, Viện Đại học Huế thành lập, giáo sư được mời giảng dạy môn Triết học Đông phương tại trường Đại học Văn khoa của Viện này.

— 1959, tham dự Hội nghị các Triết gia Đông phương lần thứ ba nhóm tại Đại học đường Hạ uy di (HAWAI), Hoa kỳ, với thuyết trình án về TRIẾT LÝ NHÂN BẢN CỦA TRẦN THÁI TÔNG.



Cuối năm này tham dự Hội nghị KỶ NIỆM ĐỆ NGŨ THẬP CHU NIÊN Hội Nghiên cứu Miền điện với thuyết trình án TỔNG HỢP VĂN HÓA VIỆT NAM.

— 1961-64, làm Khoa trưởng Đại học Văn khoa Sài Gòn, kiêm nhiệm trưởng ban và giảng sư Triết học.

Đồng thời được Bộ Văn hóa Giáo dục cử làm Trưởng Tiểu Ban Văn hóa của UNESCO VIỆT NAM.

— Năm 1964, Khi Đại học Vạn Hạnh thành lập, Giáo sư là một trong những người đầu tiên góp công xây dựng Đại học Vạn Hạnh. Giáo sư đã giảng dạy môn Triết học Đông phương tại Phân khoa Phát học, và Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn của Viện. Đã có lần Giáo sư giữ chức Khoa trưởng Văn khoa Vạn Hạnh.

— 1969, tham dự HỘI NGHỊ Văn hóa Xã hội ASPAC tại Hàn thành, Đại hàn với thuyết trình án THẾ QUÂN BÌNH VĂN HÓA VIỆT NAM.

* * *

Sau đây chúng tôi cũng xin giới thiệu các công trình nghiên cứu của Giáo sư Nguyễn Đăng Thục.

1- ĐẠI HỌC, Tứ hải, Hà nội 1949.

2- TRIẾT LÝ NHÂN SINH NGUYỄN CÔNG TRỨ, Nha Thông tin Hà nội, 1950.



3- TINH THẦN KHOA HỌC ĐẠO HỌC, Văn hóa Hiệp hội Hà nội 1953, tái bản Khai trí Sài gòn 1967.

4- DÂN TỘC TÍNH, Văn hóa vụ Sài gòn, 1956.

5- TRIẾT LÝ VĂN HÓA KHÁI LUẬN, Văn hữu Á châu Sài gòn, 1956.

6- TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG NHẬP MÔN, Bộ Quốc gia Giáo dục Sài gòn, 1958, Bộ tái bản 1960.

7- VĂN HÓA VIỆT NAM ĐÔNG NAM Á, Văn hóa Á châu Sài gòn 1961.

8- LỊCH SỬ TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG tập I Linh sơn Sài gòn 1956, Duy nhất Sài gòn tái bản 1963.

9- LỊCH SỬ TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG tập 2 Linh sơn Sài gòn 1956, Khai trí Sài gòn, tái bản 1963.

10- LỊCH SỬ TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG Tập 3 Đông phương Sài gòn, 1956.

11- LỊCH SỬ TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG tập 4 Bộ QGGD Sài gòn, 1962 Bộ QGGD tái bản 1968.

12- LỊCH SỬ TRIẾT HỌC ĐÔNG PHƯƠNG Tập 5 Bộ QGGD Sài gòn, 1964.

13- TƯ TƯỞNG VIỆT NAM, (Tư tưởng Triết học Bình dân), Khai trí Sài gòn 1964.



14- LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM tập 1 Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài gòn, 1967.

15- LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG VIỆT NAM tập 2 Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài gòn 1970.

16- THIỀN HỌC VIỆT NAM Lá bối Sài gòn, 1967.

17- DEMOCRACY IN TRADITIONAL VIETNAMESE SOCIETY Ministry National Of Education Saigon 1962.

18- ASIAN CULTURE AND VIETNAMESE HUMANISM Hội Văn hóa Á châu Saigòn 1965.

lịch sử tư tưởng việt nam

của NGUYỄN ĐĂNG THỰC

Tập I và Tập II

Do Viện Khảo Cổ phát hành. Các sinh viên cần nghiên cứu xin đến tại Viện Khảo Cổ hay Viện Bảo Tàng.

Giá 120\$



Mục Lục

1) THƯ TÒA SOẠN	3
2) DIỄN VĂN TỔNG KHAI GIẢNG CỦA THƯỢNG TỌA VIỆN TRƯỞNG	7
3) DIỄN VĂN CỦA PHÓ THỦ TƯỚNG KIÊM TỔNG TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC	15
4) ĐẠI HỌC VẠN HẠNH VÀ QUỐC HỌC	19
5) KỸ THUẬT, KHOA HỌC XÃ HỘI GIÁO DỤC VÀ TƯƠNG LAI VIỆT NAM	33
6) GIỚI THIỆU SỰ ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN ĐĂNG THỰC VÀO CÔNG CUỘC GIÁO DỤC	65

Giá 50\$

Giấy phép số : 521/BTT/NBC/HCBC cấp ngày 20-4-1970
In tại nhà in **THĂNG-LONG** 20 chợ Trương minh Giảng - Saigon.



Viện Đại Học Vạn Hạnh, đã phát hành

• **TRƯỚC SỰ NÔ LỆ
CỦA CON NGƯỜI**

**CON ĐƯỜNG THỬ THÁCH CỦA
VĂN HÓA VIỆT NAM**

(Tái bản lần thứ nhất có thêm nhiều bài)

của T. T. THÍCH MINH CHÂU

• **TỰ ĐIỂN PHÁP VIỆT
PHÁP - CHÍNH -
KINH TÀI - XÃ HỘI**

của Giáo sư VŨ VĂN MẬU

QUANG

VŨ

016

